

ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Giấy CNĐKKD số 2000110221 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2018

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 358/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 02 năm 2020

TÒ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN BẢO VIỆT



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày tại các địa điểm:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Trụ sở chính: 70 – 72 Đề Thám, Phường 2, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (84-290) 3839 220 Fax: (84-290) 3834 358

Website: www.tncm.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8888 Fax: (84-24) 3928 9888

Chi nhánh: 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3914 6888 Fax: (84-28) 3914 7999

Website: <http://bvsc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: **Lâm Quốc Khánh**

Chức vụ: CB Phòng Kinh Doanh kiêm Thư ký HĐQT

Số điện thoại: (84-290) 3520220 Fax: (84-290) 3834358

Cà Mau - 10/2020

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 3 |
| 1. Rủi ro kinh tế..... | 3 |
| 2. Rủi ro pháp luật..... | 3 |
| 3. Rủi ro cạnh tranh..... | 3 |
| 4. Rủi ro đặc thù ngành | 4 |
| 5. Rủi ro khác..... | 5 |
| 6. Rủi ro của đợt chào bán..... | 5 |
| 7. Rủi ro pha loãng cổ phiếu của đợt phát hành..... | 6 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 8 |
| 1. Tổ chức chào bán | 8 |
| 2. Tổ chức tư vấn chào bán | 8 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 9 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN | 10 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 10 |
| 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau..... | 13 |
| 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 03/06/2020 và danh sách cổ đông sáng lập..... | 16 |
| 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành..... | 18 |
| 5. Giới thiệu quá trình tăng vốn của CAMEX | 19 |
| 6. Hoạt động kinh doanh | 20 |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến hết quý 2/2020 | 25 |
| 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 27 |
| 9. Chính sách đối với người lao động: | 28 |
| 10. Chính sách cổ tức..... | 30 |
| 11. Tình hình hoạt động tài chính | 30 |
| 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng | 36 |
| 13. Tài sản:..... | 55 |
| 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 | 61 |
| 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức..... | 62 |

| | |
|--|-----------|
| 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: | 63 |
| 17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:..... | 63 |
| V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH..... | 64 |
| 1. Tên cổ phiếu: | 64 |
| 2. Mã cổ phiếu: | 64 |
| 3. Loại cổ phiếu: | 64 |
| 4. Mệnh giá: | 64 |
| 5. Đối tượng phát hành: | 64 |
| 6. Vốn điều lệ trước khi chào bán: | 64 |
| 7. Số cổ phiếu đang lưu hành: | 64 |
| 8. Tổng số cổ phiếu chào bán: | 64 |
| 9. Vốn điều lệ sau khi phát hành:..... | 64 |
| 10. Thời gian phát hành dự kiến: | 64 |
| 11. Giá chào bán : | 64 |
| 12. Phương pháp tính giá: | 64 |
| 13. Phương thức phân phối:..... | 64 |
| 14. Thời gian phân phối cổ phiếu: | 65 |
| 15. Đăng ký mua cổ phần..... | 66 |
| 16. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết: | 66 |
| 17. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:..... | 66 |
| 18. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng..... | 66 |
| 19. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán: | 67 |
| 20. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:..... | 67 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 68 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 68 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN..... | 70 |
| 1. Tổ chức phát hành:..... | 70 |
| 2. Tổ chức tư vấn: | 70 |
| 3. Tổ chức kiểm toán: | 70 |
| 4. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán | 70 |
| IX. PHỤ LỤC:..... | 71 |

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Các thông tin về môi trường kinh tế bao giờ cũng là cơ sở, là nguồn gốc của các hoạch định về chiến lược và kế hoạch kinh doanh của công ty. Theo kết quả số liệu từ Tổng cục thống kê, kinh tế Việt Nam kết thúc năm 2019 với nhiều con số ấn tượng, cụ thể tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt mức tăng trưởng bình quân 7,02%, cùng với mức lạm phát chỉ là 2,79%. Các chỉ số này đều vượt mức kỳ vọng mà Quốc hội đặt ra mục tiêu cho năm nay. Việc tăng trưởng này là một thành công rất lớn trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại bởi căng thẳng từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ và Trung Quốc. Tăng trưởng kinh tế tích cực của Việt Nam năm 2019 là cơ sở quan trọng để thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao. Từ đó, giúp hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành bán lẻ hàng hóa phát triển. Tuy nhiên, tình hình kinh tế trong và ngoài nước luôn không cố định và biến động liên tục, tỷ giá không ổn định. Vì vậy, Công ty luôn coi trọng việc thu thập và theo dõi sát sao diễn biến thị trường kinh doanh, ảnh hưởng của biến động tỷ giá lên kết quả kinh doanh nhằm kịp thời đưa ra các đối sách linh hoạt theo tình hình kinh tế, các biện pháp tài chính và dự phòng rủi ro hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra cho Công ty.

2. Rủi ro pháp luật

Pháp luật là một yếu tố chi phối xuyên suốt quá trình hoạt động của tất cả doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp niêm yết như Camex. Một trong những hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là buôn xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng, phải chịu sự điều chỉnh của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016; và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, sửa đổi một số Điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự ràng buộc pháp lý bởi các Luật và văn bản dưới Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật Thuế... Do vậy, để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được hiệu quả, hoạt động tuân theo các quy định pháp luật, cập nhật và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh do sự thay đổi các Luật và văn bản dưới Luật trong tương lai. Ban lãnh đạo Camex chủ động cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp để tuân thủ theo tất cả các luật và quy định phù hợp.

3. Rủi ro cạnh tranh

Một số Hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng đã được triển khai như: Việt Nam – Hàn Quốc, Việt Nam – EU. Đặc biệt, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã chính thức có hiệu lực vào ngày 14 tháng 01 năm 2019 tạo ra những tác động tích cực trong việc thúc đẩy đáng kể thương mại quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia khác trong khối. Theo đó, Việt Nam được đánh giá là một trong những thị trường bán lẻ năng động và hấp dẫn nhất trong khu vực Châu Á, các điều kiện để giới hạn đầu tư của các doanh nghiệp bán lẻ nước ngoài

vào Việt Nam đang dần được dỡ bỏ, gia tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường. Đây là cơ hội cũng là thách thức mới cho Công ty. Cụ thể, trong lĩnh vực bách hóa, công ty không những cạnh tranh trực tiếp với các nhà bán lẻ lớn trên thế giới đang tham gia vào thị trường Việt Nam mà còn cạnh tranh với các nhà phân phối trong nước như Coopmart, Bách hoá xanh, Trung tâm thương mại Vincom... Trong lĩnh vực kinh doanh điện máy, Công ty cạnh tranh trực tiếp với sự thâm nhập của chuỗi Điện máy xanh, Siêu thị Điện máy Chợ Lớn tại địa bàn tỉnh Cà Mau. Để vượt qua tình trạng này, Công ty đã có những hành động cụ thể để cải thiện năng lực cạnh tranh của mình như mở rộng chi nhánh sang các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tiềm năng của các tỉnh này. Nghiên cứu xây dựng một khu thương mại với tổ hợp các khu mua sắm, nhà sách, vui chơi giải trí,... Bên cạnh đó, thu nhập và đời sống của người dân trong khu vực ngày càng được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng cũng tăng theo, đó là điều kiện tốt để phát triển thị trường bán lẻ. Ngoài ra, hình thức kinh doanh thương mại điện tử đã và đang thay đổi hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng, đây là lợi thế đối với công ty khi có tiềm năng về độ phủ của hệ thống các cửa hàng, kho bãi, mạng lưới vận chuyển ở các tỉnh trung tâm và lân cận.

Đồng thời vừa là thách thức của công ty về đầu tư hạ tầng công nghệ để phát triển và cạnh tranh với các trang thương mại điện tử lớn của Việt Nam (Tiki, Lazada, Shopee,...) để giữ vững thị phần tại thị trường Tây Nam Bộ. Trong lĩnh vực xăng dầu, vị trí cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Công ty so với một số đối thủ cạnh tranh trên thị trường Cà Mau chưa được thuận lợi. Tuy nhiên, quy mô thị trường bán lẻ Cà Mau còn rất nhiều tiềm năng để khai thác, khi Cà Mau nằm trong vùng tứ giác đầu tư phát triển của Đồng bằng sông Cửu Long. Các dự án đầu tư lớn như cao tốc Cà Mau – Cần Thơ, cảng hàng không Cà Mau, quốc lộ 1A, khu công nghiệp Năm Căn,... kéo theo nhu cầu sử dụng nhiên liệu tăng cao. Cà Mau là khu vực tiềm năng để phát triển lĩnh vực thủy hải sản, phát triển nhà máy chế biến thủy sản. Do đó gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho ghe xuồng - đặc biệt là dầu DO. Ngoài ra, xăng dầu là mặt hàng thiết yếu hiện chưa có sản phẩm thay thế hoàn toàn nên lượng sản phẩm tiêu thụ không thay đổi nhiều kể cả khi có biến động về giá. Vì vậy, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, Công ty tiếp tục tập trung vào thị trường Cà Mau, chú trọng phát triển mảng bán buôn, nâng cao thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng xăng dầu mới.

4. Rủi ro đặc thù ngành

Đối với lĩnh vực bán lẻ bách hóa & điện máy: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ, quản lý hàng tồn kho là vấn đề rất quan trọng. Đặc biệt, sản phẩm mà Công ty đang phân phối hiện nay chủ yếu là các thiết bị công nghệ. Đặc điểm của ngành hàng công nghệ là các nhà sản xuất thiết bị luôn chạy đua cải tiến và ra mắt sản phẩm mới hằng năm. Do đó, các hoạt động kinh doanh phân phối và bán lẻ của Công ty luôn chịu rủi ro từ việc giảm giá hàng tồn kho, chi phí lưu kho. Bên cạnh đó, lĩnh vực bách hóa còn chịu sự tác động trực tiếp theo mùa vụ, doanh thu và lợi nhuận có thể tăng đột biến trong các dịp cuối năm, lễ, Tết... Chính vì vậy, Công ty

luôn có chính sách lưu trữ, phân bổ hàng tồn kho hợp lý, đưa ra các hình thức bán hàng, khuyến mãi, hoa hồng phù hợp nhằm đẩy mạnh hàng bán. Đối với lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu: Hiện tại, phần lớn lượng xăng dầu của thị trường Việt Nam đến từ nguồn cung nhập khẩu, do đó biến động giá mặt hàng này sẽ tác động lớn đến lợi nhuận của Camex. Có hai yếu tố chính ảnh hưởng đến giá nhập khẩu xăng, dầu là giá thị trường và tỷ giá hối đoái. Giá thị trường thì phụ thuộc vào nguồn cung xăng, dầu trên thế giới chủ yếu đến từ ba nhà cung cấp lớn là Hoa Kỳ, Liên Bang Nga và Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC).

Trong năm 2019, nhìn chung giá dầu được duy trì ở mức ổn định và có xu hướng rẻ hơn so với năm 2018, điều này không làm ảnh hưởng quá lớn đến hoạt động của Camex. Bên cạnh đó tỷ giá hối đoái cũng ảnh hưởng lớn đến giá đầu vào của sản phẩm, tuy nhiên năm 2019 đồng VND có xu hướng ổn định, không biến động quá nhiều so với đồng USD. Nhìn chung năm qua, giá xăng dầu đầu vào thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018 và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy vậy, Camex vẫn luôn theo sát tình hình cung ứng của thế giới và tỷ giá hối đoái để chủ động kịp thời đề ra phương án kinh doanh hiệu quả nhất, không để bị động trong mọi trường hợp.

5. Rủi ro khác

Rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập khả dụng của người tiêu dùng trên địa bàn kinh doanh của doanh nghiệp. Địa bàn hoạt động của Doanh nghiệp tập trung chủ yếu tại các tỉnh ven biển, với đặc điểm là vùng đất thấp, thường xuyên bị ngập nước và đón nhận nhiều cơn bão đổ bộ hàng năm. Bên cạnh đó, Công ty đa phần sử dụng đường thủy để vận chuyển hàng hóa, xăng dầu đến nơi tiêu thụ để tiết giảm chi phí nên việc thời tiết không thuận lợi cũng phần nào gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn có những biện pháp để khắc phục, giảm bớt rủi ro như mua bảo hiểm cho tài sản, hàng hóa... và đặc biệt nghiêm túc tuân thủ các công tác phòng chống bão của địa phương, thường xuyên cập nhật thông tin để kịp thời ứng phó do vậy đã giảm thiểu được tối đa những thiệt hại không mong muốn.

6. Rủi ro của đợt chào bán

Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, trong đó có quan hệ cung cầu của thị trường. Mặt khác, quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Cổ phiếu của Công ty cũng không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy, khi thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán cổ phiếu và giá cổ phiếu của Công ty sau này.

Phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ biểu quyết rất cao. Do vậy, rủi ro của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là tương đối nhỏ. Trường hợp xảy ra rủi ro không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký chào bán, lượng cổ phiếu chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng là Hội đồng quản trị chủ động thực hiện

phân phối cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết. Đồng thời Hội đồng Quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác như nguồn vốn tự có, nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng... để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty sẽ làm tăng số cổ phiếu lưu hành trên thị trường. Do đó, nếu Công ty vẫn chủ trương duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức như cũ thì cần lượng tiền nhiều hơn để chi trả cổ tức và ảnh hưởng đến lợi nhuận giữ lại. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty có biến động lớn, Công ty có thể gặp những áp lực về việc trả cổ tức cũng như nguồn vốn đầu tư.

7. Rủi ro pha loãng cổ phiếu của đợt phát hành

Trong đợt phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share); (ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

i). Về EPS:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

| Sr | Khoản mục | Đơn vị tính | Giá trị |
|----|---|-------------|----------------|
| 1 | Số lượng cổ phần đang lưu hành | cổ phần | 12.103.912 |
| 2 | Số lượng cổ phần lưu hành dự kiến sau khi hoàn tất việc phát hành. | cổ phần | 18.155.868 |
| 3 | Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân sau phát hành tại 31/12/2020 (Giá sử dụng phát hành hoàn tất 30/11/2020) | cổ phần | 12.608.242 |
| 4 | Kế hoạch Lợi nhuận sau thuế năm 2020 | Đồng | 16.000.000.000 |
| 5 | Dự kiến trích các Quỹ và khen thưởng Ban điều hành (20% LNST) | đồng | 3.200.000.000 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông 2017: (6) = (4) - (5) | đồng | 12.800.000.000 |
| 7 | EPS 2020 dự kiến trước khi chào bán: | đồng/cp | 1.058 |

| | | | |
|---|--|---------|--------|
| | $(7) = (6) / (1)$ | | |
| 8 | EPS 2020 dự kiến điều chỉnh sau khi chào bán: $(8) = (6) / (3)$ | đồng/cp | 1.015 |
| 9 | Tăng giảm EPS điều chỉnh sau chào bán so với trước khi chào bán: $(9) = (8) / (7) - 1$ | % | -4,00% |

ii). Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

Việc phát hành thêm cổ phiếu cũng có thể khiến giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) giảm khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm chào bán. BVPS được tính với công thức:

$$\text{BVPS} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

Giá sử tại thời điểm sau khi phát hành, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 234.447.531.375 đồng, BVPS sẽ giảm 10,14% sau khi phát hành thêm.

| Stt | Khoản mục | Trước khi phát hành | Sau khi phát hành |
|-----|--------------------------------------|---------------------|-------------------|
| 1 | Vốn chủ sở hữu (đồng) | 173.927.971.375 | 234.447.531.375 |
| 2 | Số lượng cổ phần lưu hành (cổ phiếu) | 12.103.912 | 18.155.868 |
| 3 | BVPS (đồng) | 14.370 | 12.913 |

iii). Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Do số lượng cổ phần lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất phát hành nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm trong trường hợp cổ đông hiện hữu không tham gia mua thêm cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ đang nắm giữ.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức chào bán

| | |
|------------------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Bà Nguyễn Thị Việt Ánh | Tổng Giám đốc |
| Ông Phù Chí Anh | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |
| Ông Đỗ Cao Sơn | Trưởng Ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn chào bán

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Khánh

Chức vụ: Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 22/2020/BVSC.HCM-CMV/TV-PH.NY ngày 06/07/2020 giữa Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt với Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX) cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|--------------------|---|
| Công ty/CAMEX: | Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau. |
| Tổ chức phát hành: | Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau. |
| CMV: | Mã cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau. |
| UBCKNN: | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| CTCP: | Công ty Cổ phần. |
| TNHH: | Công ty Trách nhiệm hữu hạn. |
| CNĐKKD: | Chứng nhận đăng ký kinh doanh. |
| ĐHĐCĐ: | Đại hội đồng cổ đông. |
| HDQT: | Hội đồng quản trị. |
| BKS: | Ban kiểm soát. |
| TGD: | Tổng Giám đốc. |
| CBCNV: | Cán bộ công nhân viên. |

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX) là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau được thành lập từ những năm 1980. Hoạt động kinh doanh giai đoạn này gặp nhiều khó khăn do chủ yếu thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên giao kể cả về chủ trương chính sách bán hàng, hàng hóa, phạm vi địa bàn hoạt động...

Từ năm 1987 – 1996, Công ty tiếp nhận thêm 05 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (4/1987), Công ty Xuất nhập khẩu thị xã (2/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống (4/1990), Công ty Vật tư tổng hợp (8/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh truyền hình Minh Hải (6/1996).

Ngày 10/10/1992, được sự đồng ý của Nhà nước, căn cứ vào quyết định 142/QĐ-UB của UBND tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau), Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập, với nguồn vốn ban đầu là 2,51 tỷ đồng (trong đó, vốn cố định 1,16 tỷ, vốn lưu động 1,35 tỷ). Sau khi được thành lập lại mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm và nhiều giải pháp đồng bộ, Công ty đã từng bước củng cố, kiện toàn và đã đạt được những bước phát triển ổn định, năm sau cao hơn năm trước.

Cuối năm 1996, sau khi chia tách tỉnh Minh Hải thành hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, Công ty chuyển thành trực thuộc tỉnh Cà Mau. Giai đoạn này, doanh thu của Công ty hàng năm đều tăng, chỉ tiêu kinh doanh, nộp Ngân sách do UBND tỉnh giao hàng năm đều đạt được và vượt kế hoạch, hệ thống mạng lưới kinh doanh, mạng lưới đại lý bán lẻ được hình thành ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng; cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển phục vụ kinh doanh tương đối hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

Năm 2007, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 06/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty Thương Nghiệp Cà Mau. Ngày 14/09/2007, phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo quyết định số 637/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau. Ngày 28/11/2007, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX). Ngày 01/12/2007, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.

Năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 80,499 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và cho cán bộ công nhân viên.

Năm 2010, phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%. Ngày 21/06/2010, Cổ phiếu CTCP Thương nghiệp Cà Mau được chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là CMV.

Năm 2012, phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP cho cán bộ công nhân viên với tỷ lệ 5%, phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%. Vốn điều lệ tăng từ 80,499 tỷ đồng lên 121,039 tỷ đồng.

Ngày 01/01/2016, Công ty thành lập Cửa hàng Điện máy Lê Lợi.

Ngày 19/10/2017, SCIC thoái vốn thành công 36,63% vốn sở hữu Nhà nước tại Công ty.

Năm 2018, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến việc sở hữu từ 25% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau mà không cần chào mua công khai.

Từ năm 2019 đến nay, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vẫn tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, tập trung phát triển mảng kinh doanh như: bán hàng bách hóa, kinh doanh xăng dầu,... mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Sau hơn 30 năm thành lập, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã đạt những thành tích xuất sắc và giải thưởng tiêu biểu như:

- Huân chương lao động hạng II năm 1999
- Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới 10 năm (1989-1999) năm 2000
- Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.
- Trong những năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.
- Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013.
- Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam).
- Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013 và năm 2015 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).
- Bằng khen ngày 27/01/2014 của Hội Khuyến học TP. Cà Mau tặng đơn vị đã nhiều năm liền hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên nghèo vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau.
- Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau ngày 13/02/2014 về thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013.

- Bằng khen số 625/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội thành phố Cà Mau (1999 – 2014).
- Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 30/05/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì).
- Quyết định 43/QĐ-BHXH ngày 15/01/2015 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về thành tích "Thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế năm 2014".
- Quyết định 823/QĐ-UBND ngày 18/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014".
- Với những thành tích đáng ghi nhận trong hoạt động kinh doanh, liên tiếp 4 năm liền 2016, 2017, 2018 và 2019, Công ty được vinh dự xếp hạng trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Việt Nam Report) phối hợp với báo Vietnamnet phát hành.
- Quyết định 405/QĐ-UBND ngày 13/03/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau khen thưởng thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2018.
- Quyết định 50/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích tích cực đóng góp, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2018.
- Quyết định 1296/QĐ-BTC ngày 20/05/2019 của Bộ Công thương về việc tặng thưởng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công thương hưởng ứng cuộc vận động "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2009 – 2019.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Tên tiếng Anh: Ca Mau Trading Joint stock Company
Tên viết tắt: CAMEX

Logo:



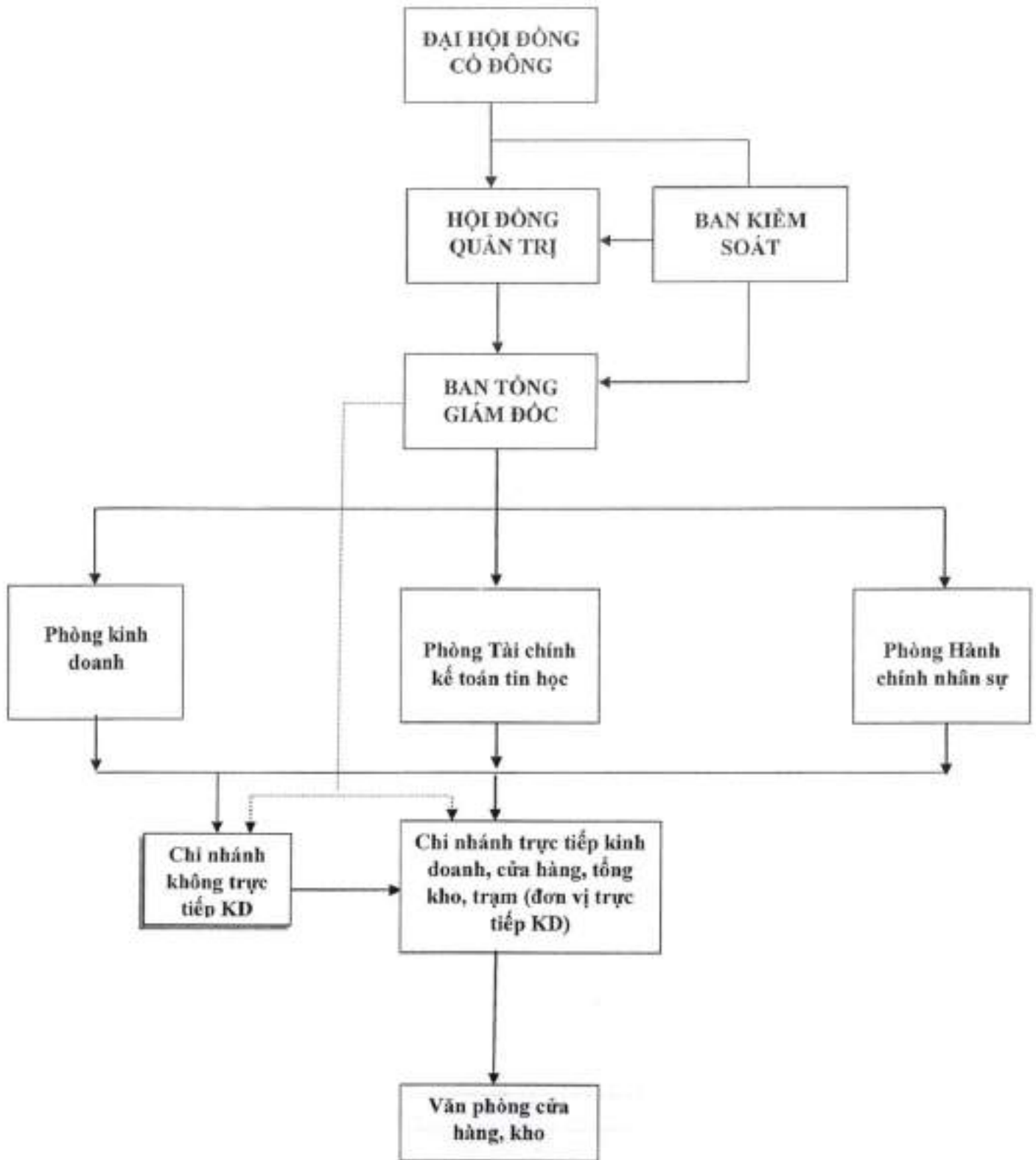
Trụ sở công ty: 70 – 72 Đề Thám, Phường 2, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Vốn điều lệ đăng ký: 121.039.120.000 đồng

| | |
|------------------------------|--|
| Vốn điều lệ thực góp: | 121.039.120.000 đồng. |
| Điện thoại: | (84-290) 3839 220 |
| Fax: | (84-290) 3834 358 |
| Website: | www.tncm.com.vn |
| Email: | info@tncm.com.vn |
| Giấy CNĐKKD: | Số 2000110221 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2018. |
| Ngành nghề kinh doanh chính: | Kinh doanh xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga, bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng. Thi công các công trình; đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác. Bán buôn hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát. Bán buôn thuốc lá điếu các loại. Bán buôn hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại. Bán buôn hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy. Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình; hàng may mặc, giày dép. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống. Dịch vụ ăn uống, thực phẩm các loại. Mua bán vật liệu xây dựng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; san lấp mặt bằng. Trồng lúa, trồng rau, trồng hoa, cây cảnh và các cây ăn quả, cây lâu năm. |

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

CAMEX được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

• SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



Nguồn: Camex

+ Đại Hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất công ty. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung vốn điều lệ của công ty; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT; Ban kiểm soát; Quyết định tổ chức, giải thể công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo qui định của Điều lệ công ty.

+Hội đồng quản trị:

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của công ty, bầu ra Chủ tịch HĐQT và các thành viên, một nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT. HĐQT quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và nhân sự quản lý khác trong công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, điều lệ công ty và nghị quyết đại hội đồng cổ đông qui định.

+ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của công ty có 3 thành viên do đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban TGD.

+ Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng giám đốc công ty gồm 4 người: 01 Tổng giám đốc và 3 Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

+ Phòng Tài chính – Kế toán – Tin học:

Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc công ty về lĩnh vực tài chính, kế toán, tin học. Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về việc tổ chức bộ máy kế toán, quản lý vốn và nguồn vốn đúng qui định; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hằng năm; tổ chức công tác hạch toán, quyết toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị theo quy định và yêu cầu của công ty.

Thực hiện công tác quản trị, kiểm tra, kiểm soát nội bộ về: hàng hóa, tiền (tiền mặt và tiền gửi ngân hàng), tài sản, công nợ, chi phí phát sinh,...

Chịu trách nhiệm quản lý dữ liệu, quản lý lưu trữ hồ sơ kế toán, quyết toán, báo cáo theo đúng qui định của pháp luật,...

Kết hợp cùng các bộ phận khác tổ chức kiểm kê hàng hóa, tài sản ngẫu nhiên hoặc định kỳ để đánh giá tài sản, hàng hóa và đề xuất xử lý tồn tại phát sinh.

+ Phòng Kinh doanh:

Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc công ty về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh chung của công ty.

Xây dựng chính sách bán hàng, khai thác nguồn hàng, quan hệ đối tác, soạn thảo văn bản, lập hợp đồng mua bán với đối tác,...

Tổ chức công tác giao nhận hàng hóa an toàn, tiết kiệm, đúng qui định.

+ Phòng Hành chính Nhân sự:

Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc công ty về công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, tuyển dụng, sắp xếp, luân chuyển nhân sự,....

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động theo đúng quy định.

Đánh giá hiệu quả công việc của người lao động và tính lương, thưởng.

Thực hiện công tác quản trị văn phòng, công tác hồ sơ thủ tục pháp lý cho công ty và các đơn vị trực thuộc hoạt động đúng qui định.

Theo dõi công tác ấn chỉ,....

+ Các đơn vị trực tiếp kinh doanh:

Thực hiện đúng qui định của pháp luật, của Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng về tổ chức hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ kế toán, công tác quản lý, quản trị về nhân sự, hàng hóa, tài sản, vật chất, trang thiết bị, công nợ, tiền (tiền mặt và tiền gửi ngân hàng).

Có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo nhân sự, đề xuất công việc của từng nhân sự tại đơn vị cho phù hợp năng lực.

Quản lý, lưu giữ hóa đơn, chứng từ, sổ sách đúng qui định.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 03/06/2020 và danh sách cổ đông sáng lập

3.1. Cổ đông sáng lập:

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CAMEX) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000110221 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007 nên thời hạn quy định về việc giới hạn chuyển nhượng cổ phiếu đối với cổ đông sáng lập đã không còn hiệu lực.

3.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 03/06/2020.

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|-----|--------------------|------------------|-------------------|-----------------------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 584 | 12.079.050 | 99,79% |
| | Tổ chức | 18 | 9.638.229 | 79,63% |
| | Cá nhân | 566 | 2.440.821 | 20,17% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 7 | 24.862 | 0,21% |
| | Tổ chức | 2 | 18.210 | 0,15% |
| | Cá nhân | 5 | 6.652 | 0,06% |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | 0,00% |
| | Tổng cộng | 591 | 12.103.912 | 100,00% |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 03/06/2020 do VSD cung cấp

3.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 03/06/2020.

| Họ và tên | Số CMND/Hộ chiếu/ Giấy CNDKKD | Địa chỉ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
|---------------------------------|--|---|--------------------|--|
| Công ty TNHH TM và DV Long Hưng | Mã số kinh doanh: 0303937088. Ngày đăng ký: Ngày 28 tháng 5 năm 2005. Nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư thành | 20, đường Nguyễn Thị Huỳnh, phường 8, quận Phú Nhuận, TP HCM. | 6.172.996 | 51% |

| Họ và tên | Số CMND/Hộ chiếu/ Giấy CNDKKD | Địa chỉ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
|---------------------------|-------------------------------|---|--------------------|--|
| | phố Hồ Chí Minh | | | |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | Mã số kinh doanh:0305795054 | Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM | 2.936.024 | 24,26% |
| Tổng cộng | | | 9.109.020 | 75,26% |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 03/06/2020 do VSD cung cấp

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

4.1. Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

- Tên công ty: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng.
- Địa chỉ: 20 Nguyễn Thị Huỳnh, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303937088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 28/05/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 30/03/2020.
- Vốn điều lệ đăng ký: 500.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 500.000.000.000 đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính: kinh doanh xăng dầu, vận tải biển, vận tải nội địa.
- Tỷ lệ sở hữu tại CAMEX: 51%.

4.2. Công ty con và những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

➤ **Công ty TNHH MTV Bách Việt**

- Địa chỉ: 15B Lý Bôn, Phường 4, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2000489578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 14/12/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 20/04/2020.
- Vốn điều lệ đăng ký: 12.000.000.000 đồng.

- Vốn điều lệ thực góp: 12.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.
- Tỷ lệ sở hữu của CAMEX: 100%.
- Công ty Cổ phần In Bạc Liêu
- Địa chỉ: 15 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 1900128413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 12/11/2004, thay đổi lần thứ 7 ngày 31/05/2018.
- Vốn điều lệ đăng ký: 9.977.800.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 9.977.800.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: In ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, in nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân.
- Tỷ lệ sở hữu của CAMEX: 55,03%.

5. Giới thiệu quá trình tăng vốn của CAMEX

Năm 2007, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.

Sau đó, công ty đã trải qua những đợt tăng vốn như sau:

| STT | Thời điểm tăng vốn | Số lượng cổ phần phát hành | Vốn sau khi tăng (đồng) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị cấp |
|-----|--------------------|----------------------------|-------------------------|--|------------|
| 1 | 2009 | 1.049.986 | 80.499.860.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5% | UBCKNN |
| 2 | 2010 | 1.529.352 | 95.793.380.000 | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19% | UBCKNN |
| 3 | 2011 | 1.628.257 | 112.075.950.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5% | UBCKNN |
| 4 | 2012 | 896.317 | 121.039.120.000 | Phát hành cổ phiếu trả | UBCKNN |

| STT | Thời điểm tăng vốn | Số lượng cổ phần phát hành | Vốn sau khi tăng (đồng) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị cấp |
|-----|--------------------|----------------------------|-------------------------|------------------------------|------------|
| | | | | cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8% | |

Nguồn: CAMEX

6. Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại với các lĩnh vực đa dạng, phong phú, trong đó, kinh doanh xăng dầu và bách hóa là hai lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu. Thị trường chính của Công ty là tỉnh Cà Mau, đặc biệt tập trung vào thành phố Cà Mau – trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh. Bên cạnh đó, đối với lĩnh vực bách hóa và các lĩnh vực kinh doanh khác, Công ty còn mở rộng thị trường đến các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang...

6.1. Các sản phẩm và dịch vụ chính

❖ Tổng đại lý bán buôn và bán lẻ xăng dầu

Là tỉnh cực nam, Cà Mau có tiềm năng phát triển thủy sản lớn, giao thông đường thủy phát triển mạnh, từ thành phố Cà Mau có thể đi tới tất cả Trung tâm các huyện lỵ, xã, thị trấn, các cụm dân cư bằng đường thủy. Hiểu được đặc thù này, Công ty đã chú trọng, đẩy mạnh việc bán buôn xăng dầu phục vụ cho các ghe tàu trong việc đánh bắt thủy hải sản thông qua các hợp đồng với các đại lý chuyên cung cấp các loại dịch vụ. Chiến lược này đã giúp Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trở thành một trong những đơn vị đứng đầu về thị phần trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh, dù Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau không có nhiều lợi thế cạnh tranh trong mảng bán lẻ do vị trí các cửa hàng xăng dầu không thuận lợi so với một số doanh nghiệp khác.

Về hoạt động bán buôn xăng dầu: Với lợi thế là một Công ty hoạt động lâu năm trên địa bàn tỉnh, đồng thời xuất phát từ một doanh nghiệp nhà nước được tỉnh chú trọng đầu tư phát triển, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã kí kết các hợp đồng thường xuyên cung cấp xăng dầu, đặc biệt là dầu DO, cho một số đại lý phục vụ cho các ghe tàu đánh bắt thủy sản.

Về hoạt động bán lẻ xăng dầu: Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ xăng dầu với 12 cửa hàng, chủ yếu tập trung tại thành phố Cà Mau, đặc biệt, có 3 cửa hàng nằm ngay trên đường quốc lộ 1A, là cửa ngõ đi vào thành phố, còn lại rải rác ở các huyện, xã như Năm Căn, Ngọc Hiển, Cái Nước và Đầm Dơi.

❖ Kinh doanh cửa hàng bách hóa

Lĩnh vực kinh doanh bách hóa có thể coi là hoạt động kinh doanh truyền thống của Công ty, xuất phát từ lịch sử hình thành là một Công ty Bách Hóa tổng hợp của tỉnh.

Lĩnh vực này chiếm khoảng 70% cơ cấu doanh thu của Công ty. Công ty đã xây dựng một hệ thống các cửa hàng bách hóa tự chọn khắp tỉnh Cà Mau và một số tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang... Sản phẩm của các cửa hàng này khá đa dạng, bao gồm hàng tiêu dùng, thực phẩm,... Với tiêu chí đem lại sự tiện dụng cho người tiêu dùng, các cửa hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm của Công ty được xây dựng theo kiểu là các cửa hàng nhỏ với diện tích khoảng 80m² nhưng tiện dụng, phong phú về chủng loại mặt hàng, người tiêu dùng được tự do chọn lựa sản phẩm trong cửa hàng. Công ty cũng đã tận dụng vị trí của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu để đặt các cửa hàng bách hóa cạnh đó. Tuy nhiên, để phù hợp với thị trường tỉnh Cà Mau, các sản phẩm của cửa hàng đã được bán với giá cả không cao hơn so với bên ngoài.

❖ **Kinh doanh các ngành nghề khác**

Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh một số mặt hàng khác như hàng kim khí điện máy, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, trang thiết bị điện tử tin học, máy văn phòng...

❖ **Cung cấp dịch vụ**

Cung cấp một số dịch vụ liên quan đến vận tải xăng dầu, bao gồm hoạt động thuê xà lan chở dầu cho một số đơn vị trong tỉnh, vận chuyển hàng hóa đến kho mua...

6.2. Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chi tiêu | Năm 2018 | | Năm 2019 | | 6 tháng đầu năm 2020 | |
|-----------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|----------------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng/DTT | Giá trị | Tỷ trọng/DTT | Giá trị | Tỷ trọng/DTT |
| Doanh thu bán hàng bách hóa | 3.025.476 | 64,97% | 3.246.868 | 68,66% | 1.596.266 | 74,35% |
| Doanh thu bán hàng xăng dầu | 1.315.805 | 28,26% | 1.166.996 | 24,68% | 406.952 | 18,95% |
| Doanh thu khác | 315.568 | 6,78% | 314.949 | 6,66% | 143.919 | 6,70% |
| Tổng cộng | 4.656.850 | 100% | 4.728.814 | 100% | 2.147.137 | 100,00% |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2020

Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2019 dù rất khó khăn nhưng vẫn giữ ổn định. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 4.730 tỷ đồng, tăng trưởng 1,55% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, doanh thu mảng bách hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất 69%, tiếp đến doanh thu mảng xăng dầu chiếm 24,7%, còn lại là doanh thu khác (điện máy, gas, cung cấp dịch vụ).

Doanh thu Camex có sự sụt giảm ở mảng kinh doanh xăng dầu từ 1.316 tỷ năm 2018 xuống còn 1.167 tỷ năm 2019, giảm 11,31% so với cùng kỳ năm 2018, do chính sách điều chỉnh liên tục giá xăng dầu trong nước để thích ứng tình hình biến động chính trị ở các quốc gia xuất khẩu dầu gây khó khăn cho việc nhập nguyên liệu, và giá nguyên liệu dầu vào biến động mạnh. Đồng thời, tình hình bán lẻ xăng dầu đang cạnh tranh khốc liệt tại các địa phương với sự thâm nhập mạnh mẽ của các công ty xăng dầu lớn như PVOIL, Petrolimex,... làm cho sản lượng tiêu thụ xăng dầu của công ty giảm 8,21% so với năm 2018.

Mảng doanh thu khác duy trì ở mức gần 315 tỷ đồng, không thay đổi so với cùng kỳ năm 2018. Bên cạnh đó, tăng trưởng doanh thu ấn tượng ở mảng bách hóa từ 3.015 tỷ năm 2018 lên 3.247 tỷ năm 2019, tăng hơn 9% so với cùng kỳ, góp phần vào tăng trưởng doanh thu thuần của Công ty.

6.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chi tiêu | Năm 2018 | | Năm 2019 | | 6 tháng đầu năm 2020 | |
|------------------------------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------------|------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT |
| Lợi nhuận gộp từ bán hàng bách hóa | 99.888 | 54,22% | 104.983 | 58,42% | 55.529 | 67,33% |
| Lợi nhuận gộp xăng dầu | 60.632 | 32,91% | 50.104 | 27,88% | 16.711 | 20,26% |
| Lợi nhuận gộp khác | 23.702 | 12,87% | 24.609 | 13,69% | 10.231 | 12,41% |
| Tổng cộng | 184.222 | 100% | 179.696 | 100% | 82.471 | 100,00% |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2020

Trong năm, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm nhẹ 2% so với năm 2018, Công ty vẫn duy trì năng suất lợi nhuận từ tăng trưởng lợi nhuận gộp từ mảng bách hóa tăng 5,1%, kiểm soát tốt chất lượng hàng hóa giúp các khoản giảm trừ doanh thu do hàng bán bị trả lại giảm mạnh 53,6%. Trong khi đó, doanh thu từ mảng xăng dầu sụt giảm 11% làm cho lợi nhuận gộp ở mảng này giảm hơn 17%. Điều này làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm nhẹ so với cùng kỳ năm

trước.

6.4. Hoạt động marketing

Trong một nền kinh tế mới, gia tăng sự hiện diện của thương hiệu là một trong những vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm. Sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ trong nước cũng như các đối thủ từ nước ngoài luôn là vấn đề mà doanh nghiệp phải ý thức được. Trước xu thế đó, bên cạnh việc đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ của mình thì việc xây dựng hình ảnh và nâng cao thương hiệu doanh nghiệp luôn được công ty chú trọng.

Ngoài việc thực hiện công tác quảng bá thương hiệu công ty trong các dịp lễ, tết hay các sự kiện thường niên thì công ty cũng có một số hoạt động công tác xã hội, từ thiện như: Ủng hộ UBND Thành phố Cà Mau tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Tp Cà Mau; Xây dựng cầu giao thông nông thôn huyện Năm Căn, Xây dựng 03 căn nhà cho những hộ bị chất độc màu da cam, Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau; Hỗ trợ Hội cựu Thanh niên Xung phong tỉnh Cà Mau; Tặng quà cho gia đình nghèo các Phường 1,5 và 9; Trung tâm Bảo trợ Xã hội, trường nuôi dạy trẻ khuyết tật, Trung tâm bệnh tâm thần; Hỗ trợ học sinh nghèo trường THPT Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển; tặng tập cho Hội thiện nguyện Cà Mau; Ủng hộ Liên đoàn Lao động tỉnh Cà Mau trong dịp tổ chức “Tết sum vầy” cho công nhân lao động năm 2019.

6.5. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế:

Logo của Công ty:



Logo của CAMEX đã được Công ty đăng ký độc quyền và được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 49728 cấp ngày 16/05/2002 CAMEX đã tiến hành đăng ký sở hữu công nghiệp đối với các mặt hàng, sản phẩm (xếp theo phân loại quốc tế) của mình như sau:

- Nhóm 25: Quần áo, giày dép, mũ nón các loại thuộc nhóm này.
- Nhóm 35: Kinh doanh hàng thực phẩm công nghệ, dầu nhờn, nhiên liệu (xăng, dầu, khí hóa lỏng), hàng nông sản, thủy hải sản, thực phẩm, vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, xe gắn máy, bình ga, sách giáo khoa và dụng cụ học sinh, băng catxet, băng hình, nông ngư cơ, thủy động cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy, rượu bia, thuốc lá, quần áo may sẵn, nơ bảo hiểm.
- Nhóm 37: Rửa xe.
- Nhóm 39: Vận chuyển xăng dầu.

6.6. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Ngày ký hợp đồng | Tên đối tác | Nội dung | Giá trị thực hiện từ 01.01.2020 đến 31.07.2020 | Tình hình thực hiện |
|-----|------------------|---|---------------------------------|--|---------------------|
| 1 | 31/12/19 | CTY TNHH TM VÀ DV LONG HUNG- CN CÀ MAU | Hợp đồng mua bán Xăng dầu | 122.177.263.435 | Đang Thực hiện |
| 2 | 31/01/20 | CTY TNHH TM VÀ DV LONG HUNG | Hợp đồng mua bán Xăng dầu | 166.614.898.311 | Đang Thực hiện |
| 3 | 27/12/19 | CTY TNHH MTV TỔNG CTY 28 | Hợp đồng mua bán Xăng dầu | 122.838.340.001 | Đang Thực hiện |
| 4 | 18/12/19 | CHI NHÁNH CTY TNHH PHƯỚC THỌ | Hợp đồng mua bán Thuốc lá | 30.512.933.000 | Đang Thực hiện |
| 5 | 28/10/19 | CTY CPHH VEDAN VIỆT NAM | Hợp đồng mua bán Bột ngọt | 61.196.806.022 | Đang Thực hiện |
| 6 | 01/01/20 | CTY TNHH TM DV HAI SÁU SÁU | Hợp đồng mua bán hàng Điện Máy | 10.132.992.556 | Đang Thực hiện |
| 7 | 01/10/18 | CTY TNHH QUỐC TẾ UNILEVER VIỆT NAM | Hợp đồng mua bán hàng tiêu dùng | 200.847.466.635 | Đang Thực hiện |
| 8 | 01/01/19 | CTY TNHH BIA & NƯỚC GIẢI KHÁT HEINEKEN VIỆT NAM | Hợp đồng mua bán hàng tiêu dùng | 101.277.475.848 | Đang Thực hiện |
| 9 | 01/01/20 | CTY CỔ PHẦN DIANA | Hợp đồng mua bán hàng tiêu | 6.250.936.041 | Đang Thực |

| STT | Ngày ký hợp đồng | Tên đối tác | Nội dung | Giá trị thực hiện từ 01.01.2020 đến 31.07.2020 | Tình hình thực hiện |
|-----|------------------|----------------------------|---------------------------------|--|---------------------|
| | | UNICHARM | dùng | | hiện |
| 10 | 11/01/18 | CTY TNHH TOTALGAZ VIỆT NAM | Hợp đồng mua bán hàng tiêu dùng | 69.036.106.290 | Đang Thực hiện |

Nguồn: CAMEX

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến hết quý 2/2020

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý 3/2020

Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm | 9 tháng đầu năm 2020 |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 638.147 | 690.913 | 8% | 552.026 |
| Doanh thu thuần | 3.960.293 | 4.379.283 | 11% | 2.854.954 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (15.250) | (3.130) | N/A | 8.753 |
| Lợi nhuận khác | 37.765 | 25.990 | -31% | 12.440 |
| Lợi nhuận trước thuế | 22.515 | 22.860 | 2% | 21.193 |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.055 | 16.695 | -8% | 18.216 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý III năm 2020

Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm | 9 tháng đầu năm 2020 |
|----------------------|----------|----------|-------------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 711.252 | 733.419 | 3,12% | 583.677 |

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm | 9 tháng đầu năm 2020 |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|----------------------|
| Doanh thu thuần | 4.656.770 | 4.728.777 | 1,55% | 3.135.320 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.862 | (1.655) | -188,87% | 2.761 |
| Lợi nhuận khác | 29.044 | 27.879 | -4,01% | 14.313 |
| Lợi nhuận trước thuế | 30.906 | 26.224 | -15,15% | 17.074 |
| Lợi nhuận sau thuế | 22.316 | 18.350 | -17,77% | 13.050 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 81% | 99% | 22% | |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý III năm 2020

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

a. Thuận lợi:

- Với nhiều năm hoạt động trên địa bàn tỉnh, Công ty đã nắm rõ tình hình, đặc điểm của thị trường Cà Mau, đã xây dựng và khẳng định được thương hiệu, uy tín trên thị trường.
- Xuất phát từ doanh nghiệp Nhà nước nên được hậu thuẫn, hỗ trợ từ các cơ quan địa phương.
- Mạng lưới hệ thống cửa hàng xăng dầu, cửa hàng bách hóa và các cửa hàng chuyên dụng khác ổn định và phủ khắp địa bàn tỉnh Cà Mau với vị trí tương đối thuận tiện. Việc xây dựng được mạng lưới rộng khắp như vậy không chỉ giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty, mà còn giúp đưa thương hiệu của Công ty trở nên quen thuộc với người dân.
- Có chính sách kinh doanh hợp lý, chủ động được nguồn hàng kinh doanh xăng dầu và bách hóa, tránh được việc phụ thuộc quá nhiều vào thị trường.
- Các nhân viên được đào tạo bài bản, chuyên môn. Nhân viên quản lý được tạo cơ hội nâng cao trình độ quản lý, nhân viên bán hàng được tham dự các khóa học nâng cao kỹ năng...

b. Khó khăn:

- Tình hình xăng dầu biến động khó lường, đặc biệt là giá dầu và các chính sách Nhà nước. Bên cạnh đó, ngành kinh doanh xăng dầu ngày càng phát triển đa dạng, có nhiều thành phần kinh tế tham gia, tính cạnh tranh ngày càng gay gắt.
- Vị trí cửa hàng bán lẻ xăng dầu so với một số đối thủ cạnh tranh trên thị trường Cà

Mau chưa thuận lợi bằng.

- Trong năm 2019, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Đối với các chỉ tiêu tài chính cơ bản được ĐHCĐ/HĐQT giao như: doanh thu, lợi nhuận sau thuế TNDN được Ban Điều hành tổ chức thực hiện chưa đạt kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do thị trường xăng dầu từ giữa quý 4/2018 đến giữa quý 1/2019 diễn biến phức tạp; nhất là trong 2 tháng đầu năm 2019 nguồn hàng khan hiếm; một số thời điểm giá xăng dầu thế giới tăng mạnh nhưng giá bán lẻ trong nước không tăng tương ứng dẫn đến các đầu mối điều hành chiết khấu ở mức thấp trong giai đoạn này, có thời điểm chiết khấu không đủ bù đắp chi phí kinh doanh xăng dầu của Công ty.
- Công ty vẫn đang hạch toán chi phí tập trung, chưa theo dõi chi phí phát sinh theo ngành hàng kinh doanh để có thể phân tích đánh giá hiệu quả của từng ngành hàng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Công Ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau là doanh nghiệp chuyên kinh doanh nội thương. Trải qua hơn 30 năm hoạt động, Công ty ngày một phát triển lớn mạnh cả về cơ cấu tổ chức, hiệu quả kinh doanh và đội ngũ cán bộ công nhân viên. Từ một văn phòng với 4 cửa hàng trực thuộc, doanh số bán ra hàng năm khoảng 180 triệu đồng, đến nay công ty có 13 trạm xăng và 110 đại lý bán lẻ rải rác khắp địa bàn tỉnh Cà Mau, là đơn vị có mạng lưới bán lẻ xăng dầu lớn thứ 2 sau Công ty Xăng dầu Cà Mau về thị phần tại tỉnh Cà Mau, hệ thống 26 cửa hàng tự chọn và 2 siêu thị, chiếm khoảng 50% thị phần bán lẻ bách hóa trên địa bàn tỉnh. Doanh thu năm sau luôn tăng cao so với năm trước. Các mặt hàng kinh doanh đa dạng và phong phú, đáp ứng nhu cầu ngày một tăng của người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh. Hiện, công ty kinh doanh trên 3.000 mặt hàng thuộc đủ nhóm ngành hàng: điện, điện tử, điện gia dụng; công nghệ thực phẩm, bách hóa gia dụng; văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng; vật liệu xây dựng; thời trang và may mặc; kim khí điện máy. Bên cạnh đó, xăng - dầu, gas cũng là hai mặt hàng có doanh số bán ra tăng mạnh của công ty trong những năm gần đây. Với thái độ phục vụ tận tình, chu đáo và nhiều phương thức bán hàng dành cho mọi loại đối tượng khách hàng gồm: bán hàng tự chọn, thanh toán ngay bằng tiền mặt, thanh toán trả chậm... số khách hàng tìm đến sản phẩm của công ty ngày một đông. Đặc biệt, phương thức bán hàng trả góp với lãi suất rất thấp, công ty đã tạo điều kiện cho đối tượng người có thu nhập thấp, người lao động bình dân ở thành thị và nông thôn được sở hữu nhiều món hàng thuộc về tiện nghi sinh hoạt trong gia đình, như: tivi, đầu đĩa, tủ lạnh... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân trong tỉnh.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Triển vọng phát triển lĩnh vực xăng dầu

Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, đáp ứng nhu cầu cho hầu hết các lĩnh vực của nền

kinh tế như công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp và vận tải. Cho đến nay, vẫn chưa có loại nhiên liệu nào có thể thay thế hữu hiệu cho nguồn năng lượng này, do đó, lượng sản phẩm bán ra không biến động nhiều dù giá cả bị ảnh hưởng bởi các nhân tố liên quan. Phát triển kinh doanh xăng dầu có mối quan hệ mật thiết với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Một nền kinh tế phát triển chắc chắn sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng xăng dầu gia tăng.

Với đặc thù là miền sông nước với hệ thống sông ngòi dày đặc, phương tiện giao thông đường thủy là chính; tàu thuyền nhiều, các hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Các yêu cầu về phục vụ cho sản xuất, vận chuyển, lưu thông hàng hóa, đi lại của nhân dân rất lớn. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, tiềm năng lớn để phát triển thủy hải sản, sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản sẽ tăng lên đáng kể, đồng nghĩa với việc gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho ghe xuồng đánh bắt cá – đặc biệt là dầu DO. Những chính sách ưu đãi của nhà nước cũng như những tín hiệu đáng mừng từ các thị trường xuất khẩu mới trên thế giới...

Triển vọng phát triển lĩnh vực kinh doanh bách hóa

Với tốc độ tăng trưởng khả quan của nền kinh tế, thu nhập và đời sống của người dân dần được cải thiện, từ đó, nhu cầu tiêu dùng cũng tăng theo. Tại thị trường Cà Mau, theo đánh giá sơ bộ của Tổng cục Thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2019 đạt 56.618,3 tỷ đồng, tăng 7,7% so với năm 2018. Với triển vọng và tiềm năng phát triển kinh tế của Cà Mau sẽ kéo theo nhu cầu chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng tại đây tăng cao.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Với lĩnh vực xăng dầu, Công ty tiếp-tục giữ vững thị phần bán buôn đồng thời phát triển nâng cao thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng, phát triển hệ thống đại lý bán lẻ đến các vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác đặc thù của thị trường này, với mục tiêu mỗi năm mở thêm 1-2 cửa hàng xăng dầu nằm trên các vị trí đặc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu ngày càng cao của tỉnh.

Đối với kinh doanh bách hóa, Công ty đang mở rộng sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này, nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Nỗ lực trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng trên thị trường Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng.

Phát huy lợi thế chiến lược đa dạng hóa để gia tăng lợi nhuận như: kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas... Xây dựng chiến lược mở rộng mạng lưới kinh doanh xăng dầu của Công ty phù hợp với đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận. Nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường Tây Nam Bộ.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1. Số lượng lao động trong Công ty:

Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động của CAMEX là: 629 người

Cơ cấu lao động phân theo trình độ lao động của Công ty như sau:

| Phân loại theo trình độ | Số lao động | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|-------------|------------|
| Đại học, Cao đẳng | 134 | 21,30 |
| Trung cấp | 74 | 11,77 |
| Công nhân kỹ thuật | 6 | 0,95 |
| Lao động phổ thông | 415 | 65,98 |
| Tổng cộng | 629 | 100 |

Nguồn: CAMEX

9.2. Chính sách đối với người lao động:

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty linh hoạt theo từng thời kỳ phát triển, luôn đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch và tương xứng xứng đáng, nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động, từ đó tăng năng suất và lợi nhuận cho Công ty.

Chính sách trả lương thưởng luôn được thực hiện đúng và đầy đủ theo các chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động như: ký kết hợp đồng lao động; tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ; giải quyết chế độ thai sản, ốm đau, khám sức khỏe định kỳ. Chính sách luôn được cập nhật và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoạt động thực tiễn của Công ty.

Công ty luôn đồng hành và lắng nghe những nguyện vọng của nhân viên ở tất cả các cấp; phối hợp với công đoàn giải quyết cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn vay với lãi suất thấp để làm kinh tế phụ gia đình và sửa chữa nhà, góp phần hỗ trợ nhân viên vượt qua khó khăn, an tâm công tác.

Chế độ thưởng tháng lương thứ 13; thưởng nhân các dịp lễ, tết; thưởng tăng ca; thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thưởng đột xuất; thưởng xuyên tổ chức hoạt động thể thao, văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn và tổ chức tham quan du lịch trong và ngoài nước cho cán bộ công nhân viên tại Công ty nhằm khuyến khích tinh thần làm việc hăng hái của nhân viên.

Về đào tạo:

Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo điều kiện để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ để trau dồi khả năng tiếp thị, marketing hướng đến giá trị cốt lõi là cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng được phục vụ đa phần cho mảng kinh doanh bán hàng của Công ty.

Môi trường làm việc:

Công ty luôn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên, người lao động của Công ty. Công ty luôn quan tâm nâng cao ý thức “Văn minh, văn hóa thương nghiệp” tạo nên một nét riêng mang dấu ấn Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau qua xây dựng nội quy, quy chế, phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp cả trong nội bộ cũng như các đối tác, khách hàng với môi trường thân thiện, tôn trọng và đoàn kết.

Đồng thời, ưu tiên hàng đầu của Công ty luôn là đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết các nhân viên của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Trong các năm qua, Công ty thực hiện trả cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế giữ lại. Tỷ lệ cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên đề xuất của Hội đồng quản trị và kế hoạch, chiến lược đầu tư kinh doanh của Công ty.

Cổ tức đã chi trả qua các năm:

| Năm | Tỷ lệ cổ tức | Hình thức thanh toán | Ghi chú |
|----------|--------------|----------------------|---------------|
| Năm 2017 | 15% | Tiền mặt | Đã thanh toán |
| Năm 2018 | 15% | Tiền mặt | Đã thanh toán |
| Năm 2019 | 15% | Tiền mặt | |

Công ty đã thanh toán đầy đủ cổ tức cho các cổ đông.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính.

Cụ thể, thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

| Tên tài sản | Thời gian hữu dụng |
|---------------------------|--------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5-50 năm |
| Máy móc, thiết bị | 3-10 năm |
| Phương tiện vận tải | 6-15 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3-10 năm |

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã nộp đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định.

Số dư thuế, các khoản phải nộp Nhà nước tại các thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/09/2020:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chi tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/09/2020 |
|-----|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Thuế GTGT phải nộp | 2.391.661.547 | 441.617.332 | 1.719.447.036 |
| 2 | Thuế TNDN | 4.188.589.950 | 4.035.167.286 | 2.276.602.316 |
| 3 | Thuế TNCN | 127.945.236 | 89.568.783 | 21.054.625 |
| 4 | Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | - | 680.149.117 |
| 5 | Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | - |
| | Tổng cộng | 6.708.196.733 | 4.566.353.401 | 4.697.253.094 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và BCTC quý III năm 2020

- **Tổng dư nợ vay:** tính đến thời điểm 31/12/2019, Công ty có tổng dư nợ là hơn 300 tỷ đồng. Các khoản nợ này được trả gốc lãi đầy đủ theo định kỳ. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chi tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 30/09/2020 |
|-----|-----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 272.292.872.817 | 303.600.985.788 | 251.620.701.340 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | 1.100.000.000 | - |
| | Tổng cộng | 272.292.872.817 | 304.700.985.788 | 251.620.701.340 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và BCTC quý III năm 2020

- Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/18 | 31/12/19 | 30/09/2020 |
|-----|--|------------------------|------------------------|-----------------------|
| I | Các khoản phải thu ngắn hạn | 154.397.922.558 | 154.248.964.195 | 92.465.641.147 |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 126.925.944.258 | 114.107.137.537 | 70.297.995.344 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6.990.001.244 | 14.297.655.184 | 3.720.340.511 |
| 3 | Phải thu ngắn hạn khác | 23.213.513.326 | 28.568.710.703 | 21.072.069.784 |
| 4 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | -2.732.697.321 | -3.068.995.130 | (2.964.244.262) |
| 5 | Tài sản thiếu chờ xử lý | 1.161.051 | 344.455.901 | 339.479.770 |
| II | Các khoản phải thu dài hạn | 2.247.420.000 | 2.551.980.000 | 2.316.720.000 |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | 2.247.420.000 | 2.551.980.000 | 2.316.720.000 |
| | Tổng cộng | 156.645.342.558 | 156.800.944.195 | 94.782.361.147 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và BCTC quý III năm 2020

Tổng nợ phải thu thực tế đến cuối năm 2019 là: 154,248 tỷ đồng. Trong đó các khoản phải thu khách hàng luân chuyển là 114,107 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 73,97%, các khoản phải thu khác là 28,568 tỷ đồng chiếm 18,52%; nợ xấu 3,107 tỷ đồng tăng 9,47% so với năm 2018; phát sinh chủ yếu là do sai phạm của các cấp quản lý phát sinh trong năm 2018,

Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản nợ phải thu khó đòi của các cửa hàng bách hóa Trà Kha, An Minh, Năm Căn, Sóc Trăng, Hậu Giang....

Công ty đã ban hành đầy đủ các qui định, qui trình liên quan đến việc quản lý công nợ. Thực tế quản lý cho thấy: việc xét duyệt định mức nợ cho khách hàng, việc theo dõi bán hàng, kiểm soát và thu hồi năm 2019 được thực hiện chặt chẽ và hiệu quả. Bên cạnh đó phải đưa ra các quy định chặt chẽ hơn đối với việc xử lý sai phạm trong quản lý dẫn tới nợ xấu ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và tài chính của công ty

Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/18 | 31/12/19 | 30/09/20 |
|-----------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 531.365.681.565 | 549.876.808.909 | 390.306.730.345 |
| 1 | Phải trả cho người bán ngắn hạn | 215.456.247.272 | 210.121.951.243 | 109.310.224.610 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 1.489.812.593 | 1.259.826.117 | 1.914.879.726 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 6.708.196.733 | 4.566.353.401 | 4.697.253.094 |
| 4 | Phải trả người lao động | 22.400.246.487 | 20.802.946.817 | 15.286.306.239 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 2.707.685.196 | 2.293.522.914 | 221.530.508 |
| 6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 926.866.853 | 872.603.954 | 872.544.045 |
| 7 | Phải trả ngắn hạn khác | 6.631.165.002 | 3.526.463.611 | 4.575.105.554 |
| 8 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 272.292.872.817 | 303.600.985.788 | 251.620.701.340 |
| 9 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 2.752.588.612 | 2.832.155.064 | 1.808.185.229 |
| II | Các khoản phải trả dài hạn | - | 1.550.000.000 | 450.000.000 |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | - | 450.000.000 | 450.000.000 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | 1.100.000.000 | - |
| | Tổng cộng | 531.365.681.565 | 551.426.808.909 | 390.756.730.345 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và BCTC quý III năm 2020

- Đầu tư tài chính ngắn hạn và trích lập dự phòng

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/18 | 31/12/19 | 30/09/20 |
|-----|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 18.500.000.000 |
| | Tổng cộng | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 18.500.000.000 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và BCTC quý III năm 2020

- Đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng

Bảng chỉ tiêu đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng của Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/18 | 31/12/19 | 30/09/20 |
|-----|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Đầu tư vào Công ty con | 17.859.618.500 | 17.859.618.500 | 17.859.618.500 |
| | Đầu tư vào Công ty liên kết | - | - | - |
| 2 | Đầu tư dài hạn khác | 8.499.577.200 | 8.499.577.200 | 8.499.577.200 |
| | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (3.855.045.983) | (3.306.856.300) | 3.489.635.200 |
| | Tổng cộng | 22.504.149.717 | 23.052.339.400 | 22.869.560.500 |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2019 và BCTC quý III năm 2020

Bảng chỉ tiêu đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/18 | 31/12/19 | 30/09/20 |
|-----|-----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 8.499.577.200 | 8.499.577.200 | 8.499.577.200 |
| 2 | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (3.359.379.300) | (3.306.856.300) | (3.489.635.200) |
| | Tổng cộng | 5.140.197.900 | 5.192.720.900 | 5.009.942.000 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và BCTC quý III năm 2020

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty Mẹ

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2018 | Năm 2019 |
|--|-------------|----------|----------|
| I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,07 | 1,06 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,44 | 0,40 |
| II. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 76,57 | 77,10 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 326,78 | 336,65 |
| III. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Lần | 12,48 | 12,87 |
| Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân | Lần | 6,21 | 6,34 |
| IV. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | 0,46 | 0,38 |
| Hệ số LNST/Vốn CSH bình quân | % | 12,07 | 10,85 |
| Hệ số LNST/Tổng TS bình quân | % | 2,83 | 2,51 |
| Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | -0,39 | -0,07 |

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018, 2019

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Hợp nhất

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|-------------|----------|----------|
| I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,12 | 1,11 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,48 | 0,41 |

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2018 | Năm 2019 |
|--|-------------|----------|----------|
| II. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 74,71 | 75,19 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 295,39 | 302,99 |
| III. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Lần | 13,16 | 12,57 |
| Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân | Lần | 6,55 | 6,45 |
| IV. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | 0,48 | 0,39 |
| Hệ số LNST/Vốn CSH bình quân | % | 12,61 | 10,14 |
| Hệ số LNST/Tổng TS bình quân | % | 3,23 | 2,54 |
| Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 0,04 | -0,04 |
| V. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần | | | |
| Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS) | Đồng/cp | 1.492 | 1.224 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CMND/CCCD |
|-----|------------------------|---------------|--------------|
| 1 | Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh | Chủ tịch HĐQT | 001064013158 |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Việt Ánh | Thành viên | 380014296 |
| 3 | Ông Lê Xuân Trinh | Thành viên | 025200093 |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Hiền | Thành viên | 034172003941 |
| 5 | Ông Dương Xuân Phát | Thành viên | 023948395 |
| 6 | Ông Phù Chí Anh | Thành viên | 380733293 |

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CMND/CCCD |
|-----|----------------------|------------|--------------|
| 7 | Ông Nguyễn Văn Khánh | Thành viên | 025543737 |

12.1.1. Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Tuấn Quỳnh
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 24/12/1964
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quê quán : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 001064013158
- Cấp ngày : 26/02/2018
- Nơi cấp : Cục CS DKQLCT và DLQG về Dân số
- Địa chỉ thường trú : 232/107 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-28) 3847.9953
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|--------------------|---|
| 1988 – 1992 | Phòng Tổ chức cán bộ Tổng kho xăng dầu Nhà Bè - Công ty xăng dầu khu vực II |
| 1993 – 2009 | Phòng kinh doanh xăng dầu - Công ty xăng dầu khu vực II |
| 2009 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TM và DV Long Hưng |
| 05/05/2018 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng, Phó chủ tịch HĐQT Công ty vận tải dầu khí Mekong.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.172.996 cổ phần, chiếm 51% số

lượng cổ phần đang lưu hành.

+ Đại diện sở hữu cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng: 6.172.996 cổ phần, chiếm 51% số lượng cổ phần đang lưu hành.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.1.2. Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 01/12/1956
- Nơi sinh : Tỉnh Cà Mau
- Quê quán : Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 380014296
- Cấp ngày : 25/03/2016
- Nơi cấp : Công an tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : Số 184 Ngô Quyền, K1, P9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-290) 3822772
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế – Khoa Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 6/1975 – 8/1978 | Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê – Kế hoạch thị xã Cà Mau |
| 08/1978 – 11/1982 | Chuyển về Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau làm Kế toán trưởng Cửa hàng |

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------------|---|
| 11/1982 – 11/2007 | Thành Lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty |
| 28/11/2007 – 05/05/2018 | Thành lập Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau |
| 05/05/2018 đến nay | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT của Công Ty Cổ phần In Bạc Liêu; Ủy viên HĐQT CTCP Cà phê PETEC.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 431.613 cổ phần, chiếm 3,57% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Cá nhân sở hữu: 431.613 cổ phần, chiếm 3,57% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| STT | Họ và tên | Quan hệ | Số CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
|-----|----------------------|---------|--------------|--|
| 1 | Nguyễn Văn Hậu | Chồng | 374.465 | 3,09% |
| 2 | Nguyễn Thị Việt Ngọc | Em ruột | 103.824 | 0,86% |
| 3 | Nguyễn Việt Phương | Em ruột | 7.916 | 0,07% |
| 4 | Nguyễn Việt Hùng | Em ruột | 115.822 | 0,96% |

- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.1.3. Ông Lê Xuân Trinh – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : LÊ XUÂN TRÌNH
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/01/1961
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Quê quán : Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 025200093
- Cấp ngày : 03/10/2009
- Nơi cấp : Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : 91/18A1 Đinh Tiên Hoàng, P3, Q Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : 0903 800173
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Kinh tế, Kỹ sư Địa Vật lý
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|---|
| 06/1983 - 12/1985 | Kỹ sư Địa Vật lý, phó bí thư chi đoàn Công ty Địa Vật lý |
| 01/1986 – 12/1986 | Học viên lớp Anh văn trường bổ túc Cán bộ Tổng cục Dầu khí |
| 01/1987 – 09/1989 | Kỹ sư phân tích tài liệu Địa Vật lý – Công ty Địa Vật lý |
| 09/1989 - 03/1990 | Thực tập sinh tại Cộng hoà Ấn Độ |
| 03/1990 – 03/1993 | Kỹ sư làm việc tại Công ty Địa Vật lý và dịch vụ dầu khí, biệt phái làm dịch vụ cho các công ty Shell, Geoditec, JDC... |
| 03/1993 – 09/1993 | Phó giám đốc Căn cứ dịch vụ Dầu khí Hải Phòng PTSC, Đảng ủy viên |
| 09/1993 – 06/1994 | Biệt phái làm trợ lý Giám đốc hậu cần Công ty Idemitsu |
| 07/1994 – 08/1995 | Phó giám đốc Xí nghiệp dịch vụ cung ứng vật tư hàng hóa PTSC, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Best Footh Catering, Đảng ủy viên. |
| 08/1995 – 08/1997 | Phó giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí biển PTSC, |

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|---|
| | Đảng ủy viên |
| 08/1997 - 08/2001 | Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí (PVTSC), Đảng ủy viên Đảng bộ Công ty PVTSC, Đảng ủy viên Đảng bộ khối Dầu khí phía Nam. |
| 08/2001 - 12/2006 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Khí (PV Gas), Đảng ủy viên Đảng bộ Công ty |
| 12/2006 - 06/2008 | Ủy viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC), Đảng ủy viên |
| 07/2008 đến nay | Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) |
| 11/2007 đến nay | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil).
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.938.182 cổ phần, chiếm 24,27% số lượng cổ phần lưu hành.
 - + Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần: 2.936.024 cổ phần, chiếm 24,26% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Cá nhân sở hữu: 2.158 cổ phần, chiếm 0,02 % số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.1.4. Bà Nguyễn Thị Hiền – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ HIỀN
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 10/10/1972
- Nơi sinh : Tỉnh Thái Bình

- Quê quán : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 034172003941
- Cấp ngày : 13/01/2017
- Nơi cấp : Cục CS DKQLCT và DLQG về Dân số
- Địa chỉ thường trú : 232/107 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-28) 3847.9953
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Kinh tế đối ngoại – Kỹ thuật viên xăng dầu
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|---------------|--|
| 1992 -1994 | Nhân viên tại cửa hàng xăng dầu Petrolimex |
| 2005 - Nay | Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng |
| 05/2018 - Nay | Thành viên HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội Đồng Quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.1.5. Ông Dương Xuân Phát – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **DƯƠNG XUÂN PHÁT**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 23/11/1959
- Nơi sinh : Long An
- Quê quán : Vĩnh Long

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 023948395
- Cấp ngày : 27/11/2015
- Nơi cấp : TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 52/2/282 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q.Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : 0903952983
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|------------------|--|
| 1983 - 1992 | Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long |
| 06/1992 - 1993 | Kế toán trưởng Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long |
| 07/1993 -1994 | Trưởng phòng nghiệp vụ kiêm Kế toán trưởng Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long (Ban Tài chính Tỉnh ủy Cửu Long) |
| 1994-09/1996 | Tổ trưởng Tổ kinh doanh – Phòng Kinh doanh Công ty Sài Gòn Petro |
| 09/1996-03/1997 | Giám đốc Chi nhánh Công ty Sài Gòn Petro tại Vũng Tàu |
| 04/1997 - 2016 | Phó phòng kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty Sài Gòn Petro |
| 8/2016 – 12/2018 | Phó Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng |
| 05/2018- đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.1.6. Ông Phù Chí Anh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **PHÙ CHÍ ANH**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 23/08/1974
- Nơi sinh : Tỉnh Lâm Đồng
- Quê quán : Tỉnh Ninh Thuận
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Số CMND : 380733293
- Cấp ngày : 08/10/2019
- Nơi cấp : Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : 165/16A Nguyễn Thiện Năng, Phường 4, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-290) 3520220
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|---|
| 02/1998 – 12/2001 | Nhân viên kế toán tại Công ty Thương Nghiệp Cà Mau |
| 01/2002 – 01/2007 | Phó phòng Kinh tế Kỹ thuật Công ty Thương Nghiệp Cà Mau |
| 02/2007 – 11/2007 | Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Thương Nghiệp Cà Mau |
| 12/2007 – 12/2012 | Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |
| 04/2009 | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |
| 01/2013 đến nay | Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |
| 09/2016 đến nay | Phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-----------------|---|
| 06/2020 đến nay | Thành viên Hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 92.269 cổ phần, chiếm 0,76% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Cá nhân sở hữu: 92.269 cổ phần, chiếm 0,76% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| STT | Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
|-----|---------------|---------|--------------------|--|
| 1 | Quách Duy Tâm | Vợ | 6.502 | 0,005% |

- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.1.7. Ông Nguyễn Văn Khánh – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **NGUYỄN VĂN KHÁNH**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 14/08/1982
- Nơi sinh : Long An
- Quê quán : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 025543737
- Cấp ngày : 04/01/2012
- Nơi cấp : CA TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 357/14 CMT8, phường 12, quận 10, Tp.HCM.

- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-28) 3914 6888
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Anh văn
Thạc sỹ Kinh tế - Chuyên Ngành Tài chính – Ngân hàng

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------|--|
| 2006 – 2008 | Phó phòng Tư vấn TCDN CN Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kho vận Thương mại Sài Gòn |
| 2008 – 2011 | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn |
| 2008 – 2015 | Trưởng phòng Tư vấn TCDN CN Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt |
| 2012 – nay | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau |
| 2015 – nay | Phó Giám đốc phụ trách CN Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt |
| 2020 – nay | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: : Phó Giám đốc Phụ trách điều hành Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần.

| STT | Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
|-----|-----------|---------|--------------------|--|
| | | | | |

| STT | Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
|-----|-------------------|---------|--------------------|--|
| 1 | Phạm Thụy Thúy Vy | Vợ | 0 | 0 |

- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không

12.2. Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CMND/CCCD |
|-----|---------------|----------------------|--------------|
| 1 | Đỗ Cao Sơn | Trưởng ban kiểm soát | 068087000013 |
| 2 | Trần Chí Hiếu | Thành viên | 380036089 |
| 3 | Ngô Thế Anh | Thành viên | 381181154 |

12.2.1. Ông Đỗ Cao Sơn – Trưởng Ban Kiểm Soát

- Họ và tên : **ĐỖ CAO SƠN**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1987
- Nơi sinh : Bảo Lộc - Lâm Đồng
- Quê quán : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 068087000013
- Cấp ngày : 08/01/2016
- Nơi cấp : TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 8.02 Lô A, Chung cư Thủ Thiêm lô P, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp.HCM.
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-28) 3847.9953
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-----------------|--|
| 1/2012 – 5/2018 | Chuyên viên tư vấn dịch vụ kế toán và thuế Công ty TNHH Kế Toán Kim Thủy |
| 6/2018 – Nay | Phụ trách kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng. |
| 05/2019 đến nay | Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phụ trách kế toán – Công ty TNHH TMDV Long Hưng.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.2.2. Ông Trần Chí Hiếu – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **TRẦN CHÍ HIẾU**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/07/1962
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quê quán : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 380036089
- Cấp ngày : 27/03/2010
- Nơi cấp : Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : 219/19 Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : 0913.893498

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 09/1981 - 04/1997 | Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 05/1997 - 11/2007 | Phó Tổng Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 12/2007 - 05/2018 | Giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt |
| 05/2018 - Nay | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thương Nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Cá nhân sở hữu: 74.967 cổ phần, chiếm 0,62% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không

12.2.3. Ông Ngô Thế Anh – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **NGÔ THẾ ANH**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/07/1983
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quê quán : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 381181154
- Cấp ngày : 22/12/2014

- Nơi cấp : Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : 72K Đường Kinh Xương Bạc Liêu, Khóm 6, Phường 6, TP Cà Mau
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-28) 39106990
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật – Chuyên ngành luật thương mại
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 07/2006 – 05/2008 | Nhân viên Ban Pháp chế – CTCP Tập đoàn Mai Linh |
| 05/2008 – 02/2011 | Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế – Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) |
| 2/2011 – Nay | Chuyên viên chính Ban Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) |
| 04/2013 – Nay | Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên chính – ban kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty dầu Việt Nam (PVOIL).
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.3. Ban Tổng giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CMND/CCCD |
|-----|---------------------|-------------------|--------------|
| 1 | Nguyễn Thị Việt Ánh | Tổng Giám đốc | 380014296 |
| 2 | Lưu Hoàng Thống | Phó Tổng giám đốc | 381641575 |

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số CMND/CCCD |
|-----|----------------------|---|--------------|
| 3 | Nguyễn Thị Việt Ngọc | Phó Tổng giám đốc | 024072316 |
| 4 | Phù Chí Anh | Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng | 380733293 |

12.3.1. Bà Nguyễn Thị Việt Anh: Đã trình bày ở phần 12.1.2 Phần II

12.3.2. Ông Lưu Hoàng Thống – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : LƯU HOÀNG THỐNG
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/12/1976
- Nơi sinh : Tỉnh Cà Mau
- Quê quán : Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 381641575
- Cấp ngày : 02/03/2009
- Nơi cấp : Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : Ấp 1, Xã Tác Vân, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-290) 3822847
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 10/1998 – 02/1999 | Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 03/1999-06/1999 | Kế toán Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 07/1999 – 03/2000 | Kế toán Cửa hàng Điện máy Cà Mau thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|---|
| 04/2000 – 03/2003 | Cửa hàng phó Cửa hàng Điện máy Bạc Liêu thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 04/2003 -06/2006 | Cửa hàng trưởng Cửa hàng Công nghệ thực phẩm Trà Kha thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 07/2006 – 12/2006 | Kế toán Phòng Tài chính Kế toán Tin học thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 01/2007 – 08/2007 | Phụ trách tổng kho bách hóa thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 09/2007 – 12/2009 | Cửa hàng trưởng Cửa hàng Chuyên doanh thuốc lá BAT thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 01/2010 – 03/2013 | Trưởng phòng Hành chính Nhân sự thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 04/2013 – 11/2014 | Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 12/2014 – 03/2015 | Chủ tịch Công đoàn NK 2012 – 2017 thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau Nhân viên Phòng Hành chính Nhân sự thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 04/2015 – 12/2016 | Phó Phòng Hành chính Nhân sự thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 01/2017 – 04/2019 | Trưởng phòng Hành chính Nhân sự thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |
| 05/2019 - Nay | Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Hành chính Nhân sự thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 233.507 cổ phần, chiếm 1,93% số lượng cổ phần đang lưu hành.
+ Đại diện sở hữu: 226.720 cổ phần, chiếm 1,87% số lượng cổ phần đang lưu hành.

+ Cá nhân sở hữu: 6.787 cổ phần, chiếm 0,06% số lượng cổ phần đang lưu hành.

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.3.3. Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ VIỆT NGỌC**
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 19/05/1971
- Nơi sinh : Tỉnh Cà Mau
- Quê quán : Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 024072316
- Cấp ngày : 11/10/2013
- Nơi cấp : Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : 5.06 Cao ốc 86 Tân Đà, P11, Q5, TP Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-290) 3852330
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Thương mại
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|--|
| 6/1994 – 03/1998 | Nhân viên Công ty Thương Nghiệp Cà Mau |
| 04/1998 – 11/2002 | Kế toán văn phòng đại diện Công ty Thương Nghiệp Cà Mau tại TP Hồ Chí Minh |
| 12/2002 – 11/2004 | Phó văn phòng đại diện Công ty Thương Nghiệp Cà Mau tại TP Hồ Chí Minh. |
| 12/2004 – 06/2008 | Trưởng văn phòng đại diện Công ty Thương Nghiệp Cà Mau tại |

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-------------------|---|
| | TP Hồ Chí Minh. |
| 07/2008 – 12/2009 | Trưởng Chi nhánh Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại TP Hồ Chí Minh. |
| 01/2010 đến nay | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 103.824 cổ phần, chiếm 0,86% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Cá nhân sở hữu: 103.824 cổ phần, chiếm 0,86% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| STT | Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
|-----|---------------------|----------|--------------------|--|
| 1 | Phan Tiến Dũng | Chồng | 113.446 | 0,93% |
| 2 | Nguyễn Thị Việt Ánh | Chị ruột | 431.613 | 3,56% |
| 3 | Nguyễn Việt Phương | Chị ruột | 7.916 | 0,06% |
| 4 | Nguyễn Việt Hùng | Anh ruột | 115.822 | 0,96% |

- Các khoản nợ đối với Công ty : không.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không.

12.3.4. Ông Phù Chí Anh: Đã trình bày ở phần 12.1.6 Phần II

12.4. Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------|----------------|
| 1 | Phù Chí Anh | Kế toán trưởng |

Đã trình bày ở phần 12.1.6 Phần II

13. Tài sản:

13.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán tại thời điểm 31/12/2019:

Tài sản cố định, bất động sản đầu tư và khấu hao

Đơn vị tính: đồng

| STT | Khoản mục | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | % còn lại |
|------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|---------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 163.087.634.127 | 96.919.930.221 | 66.167.703.906 | 40,57% |
| 1 | Nhà cửa vật kiến trúc | 85.837.282.051 | 43.790.319.027 | 42.046.963.024 | 48,98% |
| 2 | Máy móc thiết bị | 38.365.498.287 | 29.187.536.842 | 9.177.961.445 | 23,92% |
| 3 | Phương tiện vận tải | 36.987.081.753 | 22.416.472.162 | 14.570.609.591 | 39,39% |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 1.313.694.938 | 969.562.092 | 344.132.846 | 26,20% |
| 4 | Tài sản CDHH khác | 584.077.098 | 556.040.098 | 28.037.000 | 4,80% |
| II | Tài sản cố định vô hình | 37.148.966.663 | 1.555.849.806 | 35.593.116.857 | 95,81% |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 36.299.745.183 | 706628326 | 35.593.116.857 | 98% |
| 2 | Phần mềm máy tính | 849.221.480 | 849.221.480 | 0 | 0% |
| III | Tài sản cố định thuê tài chính | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 200.236.600.790 | 98.475.780.027 | 101.760.820.763 | 50,82% |

Nguồn: CAMEX

13.2. Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai:

| STT | Địa chỉ nhà, đất | Hồ sơ pháp lý | Diện tích đất (m ²) | Hiện trạng sử dụng nhà, đất | Ghi chú |
|-----|---|---|---------------------------------|--|-------------------------|
| 1 | Số 07, Đê Thám, Phường 2, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AL 853463 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 124,80 | Cho Ngân hàng Oceanbank thuê | Đất thuê đến 06/12/2056 |
| 2 | Số 74, Đê Thám, Phường 2, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AL 853459 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 67,60 | Cửa hàng kinh doanh điện máy | Đất thuê đến 06/12/2056 |
| 3 | Số 76, Đê Thám, Phường 2, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AL 853453 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 67,60 | Cửa hàng kinh doanh điện máy | Đất thuê đến 06/12/2056 |
| 4 | Số 42, Nguyễn Hữu Lễ, Phường 2, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AL 853458 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 72,20 | Cửa hàng bách hóa | Đất thuê đến 06/12/2056 |
| 5 | Số 102, Lê Lợi, Phường 2, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AL 853461 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 173,00 | Cửa hàng bách hóa Cho Ngân hàng VietinBank thuê | Đất thuê đến 06/12/2056 |
| 6 | Số 15B Lý Bôn, Khóm 2, Phường 4, TP Cà Mau | GCN quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở số 5901030238 do UBND tỉnh cấp ngày ngày 08/10/2001 | 120,00 | Cửa hàng Bách hóa | |
| 7 | Góc đường Bùi Thị Xuân và Lý Bôn, Phường 4, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy 00225 do UBND tỉnh cấp ngày 17/12/1994 | 530,00 | Cửa hàng xăng dầu | Lâu dài |

| STT | Địa chỉ nhà, đất | Hồ sơ pháp lý | Diện tích đất (m ²) | Hiện trạng sử dụng nhà, đất | Ghi chú |
|-----|---|---|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------|
| 8 | Số 232, Lý Văn Lâm, Phường 1, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AL 853460 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 1.553,00 | Cửa hàng bách hóa, CNTP | Đất thuê đến 06/12/2056 |
| 9 | Số 45, Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP Cà Mau | GCN quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở số 5901040109 do UBND tỉnh cấp ngày 09/6/2003 | 295,00 | Cho Ngân hàng PV Combank thuê | Thời hạn cho thuê Năm |
| 10 | Đường Nguyễn Văn Trỗi, Khóm 4, Phường 5, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AG 701890 do UBND tỉnh cấp ngày 06/10/2006. | 260,40 | Nhà kho | Lâu dài |
| 11 | Đường Nguyễn Văn Trỗi, Khóm 4, Phường 5, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số T 346238 do UBND tỉnh cấp ngày 18/6/2001. | 86,80 | Nhà kho | Lâu dài |
| 12 | Quốc lộ 1A (đường Lý Thường Kiệt), Khóm 7, Phường 6, TP Cà Mau | Tờ khai sử dụng đất ngày 16/4/1996 | 523,60 | Cửa hàng xăng dầu | |
| 13 | Khóm 7, Phường 7, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AK 428758 do UBND tỉnh cấp ngày 24/9/2007 | 888,20 | Cửa hàng xăng dầu | Thời hạn 50 năm |
| 14 | Số 127, Nguyễn Tất Thành, Phường 8, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số T 723924 do UBND tỉnh cấp ngày 18/01/2002 | 230,75 | Cửa hàng Bách hóa | Đất ở lâu dài |
| 15 | Quốc lộ 1A, Ấp Cây Trâm, Xã Định Bình, TP Cà Mau (thửa số 7, TĐĐ số 12) | GCNQSDĐ số AI 677571 do Sở TN&MT cấp ngày 10/12/2007 | 5.100,00 | Cửa hàng xăng dầu | Hết hạn thuê đất |

| STT | Địa chỉ nhà, đất | Hồ sơ pháp lý | Diện tích đất (m ²) | Hiện trạng sử dụng nhà, đất | Ghi chú |
|-----|--|---|---------------------------------|--|-------------------------|
| 16 | Quốc lộ 1A, Ấp Cây Trâm, Xã Định Bình, TP Cà Mau (thửa số 27, TBD số 12) | GCNQSDĐ số AI 677572 do Sở TN&MT cấp ngày 10/12/2007 | 260,00 | Cửa hàng xăng dầu | Hết hạn thuê đất |
| 17 | Xã Định Bình, TP Cà Mau (thửa số 195, TBD số 02) | GCNQSDĐ số X 900459 do UBND tỉnh cấp | 5.368,00 | Đất làm hồ nước PCCC | Hết hạn thuê đất |
| 18 | Xã Định Bình, TP Cà Mau (thửa số 207, TBD số 01) | GCNQSDĐ số R 234741 do UBND tỉnh cấp ngày 15/8/2000 | 4.465,00 | Cửa hàng xăng dầu | |
| 19 | Ấp Sờ Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước (thửa số 24, TBD số 36) | GCNQSDĐ số AI 677570 do Sở TN&MT cấp ngày 09/11/2007 | 2.388,90 | Cửa hàng xăng dầu Cửa hàng CNTP Huyện | Đất thuê đến 16/04/2047 |
| 20 | Ấp Sờ Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước (thửa số 19, TBD số 36) | GCNQSDĐ số AH 296762 do Sở TN&MT cấp ngày 23/3/2007 | 313,00 | Cửa hàng CNTP Huyện | Đất thuê đến 26/01/2056 |
| 21 | Ấp Đầm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước | GCNQSDĐ số AH 296761 do Sở TN&MT cấp ngày 23/3/2007 | 614,00 | Cửa hàng xăng dầu | Đất thuê đến 26/01/2056 |
| 22 | Ấp Cái Nai, TT Năm Căn, huyện Năm Căn | GCNQSDĐ số AL 853477 do Sở TN&MT cấp ngày 07/4/2008 | 1.961,60 | Cửa hàng xăng dầu | Hết hạn thuê đất |
| 23 | Khóm 5, TT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi (thửa số 246, TBD số 02) | Quyết định số 171/QĐ-CTUB ngày 05/9/2003 của UBND tỉnh | 138,00 | Cửa hàng xăng dầu | Thời hạn 50 năm |
| 24 | Khóm 5, TT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi | Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được UBND TT Đầm Dơi xác nhận ngày 26/11/2003 | 46,00 | Cửa hàng xăng dầu | Đất lập vườn |

| STT | Địa chỉ nhà, đất | Hồ sơ pháp lý | Diện tích đất (m ²) | Hiện trạng sử dụng nhà, đất | Ghi chú |
|-----|--|---|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| 25 | Ấp Xóm Tắc, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi | GCNQSDĐ số AL 853451 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 198,80 | Cửa hàng xăng dầu | Đất thuê đến 20/12/2056 |
| 26 | Số 70 - 72 ĐỀ Thám, Phường 2, TP Cà Mau | | | | |
| 27 | Số 02, Phan Đình Phùng, Phường 2, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AM 706352 do Sở TN&MT cấp ngày 06/3/2009 | 58,10 | Kho hàng | Hết hạn thuê đất |
| 28 | Số 09, Lê Lai, Phường 2, TP Cà Mau (thửa đất số 292, tờ bản đồ số 07) | GCNQSDĐ số AL 853456 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 59,60 | Cửa hàng Bách hóa | |
| 29 | Cửa hàng Xăng dầu Gành Hào, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi | Đơn xin tạm quyền sử dụng đất | 1.170,00 | Bị sạt lở đất, giải thể cửa hàng | |
| 30 | Cửa hàng Xăng dầu Tân Tiến, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi | GCNQSDĐ số AL 853451 do Sở TN&MT cấp ngày 01/4/2008 | 198,80 | Cửa hàng Xăng dầu | |
| 31 | Cửa hàng Xăng dầu phường 1, số 09, Lý Văn Lâm, phường 1, TP Cà Mau | Tờ khai sử dụng đất ngày 14/9/1996 | 418,6 | Cửa hàng xăng dầu | |
| 32 | Cửa hàng Xăng dầu Tân Trung, ấp Tân Trung, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển | CV 1206/UB V/v thuê đất xây cửa hàng xăng, dầu, gas tại ấp Tân Trung, Tân An, Ngọc Hiển | | Cửa hàng Xăng dầu | |

| STT | Địa chỉ nhà, đất | Hồ sơ pháp lý | Diện tích đất (m ²) | Hiện trạng sử dụng nhà, đất | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 33 | Cửa hàng và kho bách hóa Nguyễn Du, đường Nguyễn Du, khóm 5, phường 5, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AL 853473 do Sở TN&MT cấp ngày 07/4/2008 | 786,1 | Cửa hàng Bách hóa | Đất thuê đến 07/01/2057 |
| 34 | Kho thuốc lá đường Tôn Đức Thắng, khóm 5, Phường 5, TP Cà Mau | GCNQSDĐ số AL 853472 do Sở TN&MT cấp ngày 07/4/2008 | 1.043,20 | Cửa hàng Thuốc lá | Đất thuê đến 07/01/2057 |
| 35 | Lô H14-13, đường Lê Hồng Phong, Phường An Hòa, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | GCNQSDĐ số AI 466641 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/12/2007 | 125,00 | Kho Bách Hóa | Lâu dài |
| 36 | Lô H14-11- dự án lấn biển xây dựng khu đô thị mới Thị Xã Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang | GCNQSDĐ số AB 460331 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 11/05/2005 | 125,00 | Kho Bách Hóa | Lâu dài |
| 37 | Lô H14-12- dự án lấn biển xây dựng khu đô thị mới Thị Xã Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang | GCNQSDĐ số AB 460332 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/05/2005 | 125,00 | Kho Bách Hóa | Lâu dài |
| 38 | Lô H14-14- đường Lê Hồng Phong, Phường An Hòa, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | GCNQSDĐ số AI 466642 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/12/2007 | 125,00 | Kho Bách Hóa | Lâu dài |
| 39 | Lô H14-16- đường Lê Hồng Phong, Phường An Hòa, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | GCNQSDĐ số AI 466644 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/12/2007 | 155,50 | Kho Bách Hóa | Lâu dài |

| STT | Địa chỉ nhà, đất | Hồ sơ pháp lý | Diện tích đất (m ²) | Hiện trạng sử dụng nhà, đất | Ghi chú |
|-----|--|--|---------------------------------|-----------------------------|---|
| 40 | Lô H14-15- đường Lê Hồng Phong, Phường An Hòa, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | GCNQSDĐ số AI 466643 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/12/2007 | 125,00 | Kho Bách Hóa | Lâu dài |
| 41 | Thửa số 775, tờ bản đồ số 05, Khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng | GCNQSDĐ số AN 512589 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 1/12/2008 | 211,50 | Kho Bách Hóa | Lâu dài |
| 42 | Thửa số 241, tờ bản đồ số 8-1, ấp 2, TT Hộ Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu | GCNQSDĐ số BC 406714 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 8/11/2010 | 874,20 | Kho Bách Hóa | Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất |
| 43 | Thửa số 173, tờ bản đồ số 79, khóm 1, Phường 1, TX Ngã 5, Sóc Trăng | GCNQSDĐ số CG657068 do Sở TN&MT cấp ngày 21/2/2017 | 2.500,80 | Kho Bách Hóa | Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm |
| 44 | Thửa số 1368, tờ bản đồ số 13, ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau | GCNQSDĐ số BA 537991 do Sở TN&MT cấp ngày 8/10/2010 | 1.697,90 | Cửa hàng Xăng dầu | Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất |
| 45 | Thửa số 192, tờ bản đồ số 01, ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang | GCNQSDĐ số BU 389698 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/09/2015 | 567,00 | Kho Bách Hóa | Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất |
| 46 | Thửa số 254, tờ bản đồ số 05, phường 8, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu | GCNQSDĐ số CD 961293 do Sở TN&MT tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 8/8/2016 | 10.006,00 | Kho Bách Hóa | Thời hạn đến 16/02/2062 |

Nguồn: CAMEX

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | |
|--|-------------------|-----------------------------|
| | Kế hoạch | % tăng/giảm so với năm 2019 |
| Vốn điều lệ | 181.000.000.000 | 49,54% |
| Doanh thu thuần | 4.300.000.000.000 | -9,07% |
| Lợi nhuận sau thuế | 16.000.000.000 | -12,81% |
| Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,37% | -4,11% |
| Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 8,84% | -41,69% |
| Cổ tức | 8% | -46,67% |

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2020

Kế hoạch kinh doanh năm 2020 giảm so với thực hiện năm 2019 là do các nguyên nhân sau: Ảnh hưởng của dịch bệnh SARS-COV2; Sản lượng và giá bán mặt hàng xăng dầu bán ra sụt giảm khoảng 40% so với cùng kỳ.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Luôn nêu cao vai trò tiên phong tiêu biểu trong quản lý và điều hành của người lãnh đạo, luôn rèn luyện đạo đức trong kinh doanh, luôn xác định tài chính minh bạch, trung thực, chính xác. Thực hiện đúng nguyên tắc chế độ quy định pháp luật.

Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống kho bãi, cửa hàng trên cơ sở vật chất hiện có và quy định của pháp luật. Tiếp tục hoàn thiện nâng cấp các cửa hàng xăng dầu và bách hóa ngày càng khang trang và sạch đẹp.

Tiếp tục đàm phán bổ sung những chính sách kinh doanh phù hợp từ các đối tác để cùng phát triển tốt thị trường và có hiệu quả với các hợp đồng kinh doanh hiện tại nhằm thu hút khách hàng, gia tăng thị phần, tăng doanh thu và lợi nhuận.

Tiếp tục tập trung hàng đầu công tác đào tạo phát triển nguồn lực để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo có lực lượng kế thừa, bổ sung những lực lượng lao động trẻ có kiến thức, có đạo đức và nhiệt huyết...

Đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động, cổ đông và cộng đồng xã hội.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức:

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công dự kiến sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất chào bán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:

Không có.

18. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:

Không có.

VI. CÔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
2. Mã cổ phiếu: CMV
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
6. Vốn điều lệ trước khi chào bán: 121.039.120.000 đồng
7. Số cổ phiếu đang lưu hành: 12.103.912 cổ phiếu
8. Tổng số cổ phiếu chào bán: 6.051.956 cổ phiếu
9. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 181.558.680.000 đồng
10. Thời gian phát hành dự kiến: Quý IV năm 2020
11. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu

12. Phương pháp tính giá:

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (GTSS)

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{178.274.157.347}{12.103.912} = 14.729 \text{ đồng/cp}$$

GTSS tại thời điểm 30/06/2020 là 14.729 đồng/cổ phần.

Căn cứ nhu cầu vốn của Công ty và thực trạng thị trường chứng khoán Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/06/2020 đã thông qua mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần.

13. Phương thức phân phối:

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 6.051.956 cổ phần
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ chào bán: Toàn bộ 6.051.956 cổ phần phát hành sẽ được chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 (căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 02 cổ phiếu tương ứng với 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới).
- Phương thức làm tròn cổ phiếu khi thực hiện quyền mua:

Số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống tới hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: cổ đông A đang sở hữu 5 cổ phần sẽ được mua 2 cổ phần, phần lẻ 0,5 sẽ bị hủy bỏ (5 : 2 = 2,5).

- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác).

- Phương thức xử lý số cổ phần lẻ và cổ phần chào bán không hết:

Số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn số và số cổ phần không chào bán hết của phương án phát hành sẽ do HĐQT quyết định đối tượng bán và giá bán nhưng không thấp hơn giá 10.000 đồng/cổ phần.

- Quy định về hạn chế chuyển nhượng:

Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng.

14. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Thời gian phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu: Trong vòng 90 kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phần ra công chúng. Các bước phân phối và thời gian thực hiện sau khi được cấp Giấy phép chào bán cổ phần như sau:

+ Bước 1: Công bố báo chí

- Trong thời gian 07 ngày làm việc sau ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phần do Chủ tịch UBCKNN cấp, tổ chức phát hành sẽ hoàn tất thủ tục để đăng Thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong ba số liên tiếp.

+ Bước 2: Phân phối cổ phần:

- Xác định danh sách sở hữu cuối cùng:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phần do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp, Công ty sẽ xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng, xác định ngày giao dịch không hưởng quyền mua, lập Danh sách sở hữu cuối cùng.

- Phân bổ và thông báo quyền mua:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua trước cổ phần đến các cổ đông có sở hữu cổ phiếu.

- Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần:

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần mới phát hành tại tổ chức phát hành và các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được Danh sách phân bổ quyền ưu tiên mua trước cổ phần.

- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:

Quyền mua được thực hiện chuyển nhượng trong vòng 18 ngày kể từ ngày thông báo. Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại tổ chức phát hành và các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.

- Tổng hợp thực hiện quyền:

Trong vòng 02 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, tổ chức phát hành báo cáo thực hiện quyền.

+ Bước 3: Báo cáo kết quả phát hành

- Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc việc phát hành, tổ chức phát hành sẽ lập báo cáo phát hành gửi UBCKNN.

+ Bước 4: Trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian phân phối, tổ chức phát hành hoàn tất thủ tục trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa đăng ký lưu ký.

15. Đăng ký mua cổ phần

Cổ đông hiện hữu đã lưu ký cổ phần và mở tài khoản tại các công ty chứng khoán sẽ đăng ký và nộp tiền mua cổ phần tại các công ty chứng khoán. Cổ đông hiện hữu chưa lưu ký cổ phần và mở tài khoản tại các công ty chứng khoán sẽ đăng ký và nộp tiền mua cổ phần tại văn phòng trụ sở chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

16. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết:

Số cổ phần lẻ do làm tròn số và số cổ phần không được mua hết sẽ do HĐQT quyết định đối tượng bán và giá bán, nhưng không thấp hơn giá 10.000 đồng/cổ phần.

17. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Theo Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: "Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%".

Hiện tại, lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bách hóa và xăng dầu,... Căn cứ theo các quy định của pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

đến các ngành nghề mà Công ty đã đăng ký và căn cứ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP, giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tối đa là 49%.

18. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông hiện hữu được phép chuyển nhượng trong thời gian quy định, và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần. Nghĩa là người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng lại cho người khác.

Số cổ phiếu cổ đông thực hiện quyền không hết nếu được bán tiếp cho Nhà đầu tư khác theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015.

19. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán:

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hiện nay, công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

19.2 Thuế GTGT:

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

19.3 Các loại thuế khác

Công ty tuân thủ theo Luật thuế hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

20. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu:

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
- Số tài khoản: 1016343046
- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỬ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là: 60.519.560.000đồng. Công ty dự kiến bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh như sau:

Vòng quay vốn lưu động giai đoạn 2016 – 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Khoản mục | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 KH |
|-----|--|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Tài sản ngắn hạn (=a+b+c) | 525.584 | 486.842 | 497.323 | 543.452 | 438.000 |
| a | Các khoản phải thu | 138.826 | 145.286 | 154.397 | 154.248 | 105.500 |
| b | Hàng tồn kho | 380.804 | 340.418 | 339.549 | 384.027 | 330.000 |
| c | Tài sản ngắn hạn khác | 5.954 | 1.138 | 3.377 | 5.177 | 2.500 |
| 2 | Nợ ngắn hạn (không tính các khoản vay trả lãi) | 179.635 | 266.228 | 259.072 | 246.276 | 185.000 |
| 3 | Vốn lưu động (=1- 2) | 345.949 | 220.614 | 238.251 | 297.176 | 253.000 |
| 4 | Doanh thu thuần | 4.026.234 | 4.285.919 | 4.656.769 | 4.728.777 | 4.300.000 |
| 5 | Vòng quay vốn lưu động (=4/3) – lần | 11,64 | 19,43 | 17,97 | 15,91 | 16,99 |

Nguồn: Camex

Ước tính vốn lưu động năm 2021

| STT | Khoản mục | Đơn vị tính | Giá trị |
|---|---|-------------|-----------|
| Ước tính nhu cầu vốn lưu động năm 2021 | | | |
| 1 | Vòng quay vốn lưu động ròng bình quân 5 năm 2016 – 2020 | lần | 16,38 |
| 2 | Doanh thu thuần ước tính năm 2021 theo kế hoạch | triệu đồng | 4.600.000 |



| STT | Khoản mục | Đơn vị tính | Giá trị |
|---|---|-------------|---------|
| | kinh doanh | | |
| 3 | Vốn lưu động ước tính cho năm 2021 (=2/1) | triệu đồng | 280.830 |
| Ước tính nguồn vốn để bổ sung vốn lưu động | | | |
| 1 | Từ đợt phát hành cổ phiếu (dự kiến) | triệu đồng | 60.500 |
| 2 | Vay và vốn chiếm dụng năm 2021 (dự kiến) | triệu đồng | 220.330 |

Nguồn: Camex

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là: 60.519.560.000 đồng, được dùng để bổ sung vốn lưu động, cụ thể:

| STT | Khoản mục | Giá trị (đồng) | Thời gian dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-----------------------|----------------------------|
| 1 | Trả nợ vay ngắn hạn Ngân hàng (*) | 40.000.000.000 | Quý I/2021 đến Quý II/2021 |
| 2 | Mua hàng hóa (**) | 20.519.560.000 | |
| | Tổng cộng | 60.519.560.000 | |

Ghi chú:

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 86005000.003/2020-HĐCVHM/NHCT 860 ngày 09/06/2020. Hạn mức vay: 80.000.000.000 đồng. Mục đích vay: để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn duy trì: 12 tháng. Số dư tại ngày 30/09/2020: 79.405.801.617 đồng. Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty sẽ thực hiện chi trả cho các khoản nợ nêu trên theo từng kế ước nhận nợ thực tế phát sinh, thanh toán theo thứ tự khoản nào đến trước thì thực hiện trước, thực hiện thanh toán cho tới khi hết số tiền huy động từ đợt chào bán là 40 tỷ đồng, đảm bảo không phát sinh nợ quá hạn hay bất kỳ điều khoản phạt vi phạm nào. Ngoài ra, HĐQT có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đúng với mục đích sử dụng đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua. Trong trường hợp có điều chỉnh phương án sử dụng vốn, HĐQT sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định và báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất. Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn trả nợ từ nguồn vốn lưu động khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu,...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

(**) Hoạt động chính của doanh nghiệp là kinh doanh xăng dầu nên cần mua các mặt hàng sau:

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng (m ³) |
|-----|-------------------|----------------------------|
| 1 | Xăng Ron 95 | 500 |
| 2 | Xăng E5 Ron 92 | 200 |
| 3 | Dầu Diesel 0,05%S | 1000 |

Số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán là 60.519.560.000 đồng. Trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động thêm tiền từ các nguồn khác (vay tổ chức tín dụng, phát hành trái phiếu,...) để bổ sung vốn hoạt động của Công ty.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72 Đề Thám, Phường 2, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Điện thoại: (84-28) 3839 220 Fax: (84-290) 3834 358

Website: www.tncm.com.vn Email: info@tncm.com.vn

2. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)

Trụ sở chính: Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-28) 3928 8888 Fax: (84-24) 3928 9888

Chi nhánh: Số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp, Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 3914 6888 Fax: (84-28) 3914 7999

Website: www.bvsc.com.vn

3. Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3999 0091 Fax: (84-28) 3999 0090

Website: www.vietvalues.com/ Email: contact@vietvalue.com

4. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin mà BVSC đã thu thập được về CAMEX và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, BVSC có một số nhận định như sau:

Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, thương hiệu uy tín, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Tận dụng triệt để đặc trưng vận chuyển bằng đường thủy và mạng lưới giao thông đường bộ sôi động của vùng Tây Nam bộ, công ty ngày càng đa dạng các phương thức bán hàng phục vụ nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng: Bán hàng tự chọn, bán hàng trả góp, bán buôn, bán buôn lẻ, bán lẻ...

Xây dựng hệ thống cửa hàng, kho bãi liên kết chặt chẽ, tăng cường độ phủ rộng rãi. Các yếu tố trọng yếu đó là thế mạnh tạo nên thương hiệu Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, tạo nền tảng cho CAMEX phát triển bền vững và đủ tầm để cạnh tranh với các đối thủ trong nước cũng như trong khu vực. Trên cơ sở đó, việc gia tăng nguồn vốn trong đợt phát hành này là một bước tiến quan trọng đối với Công ty, rất cần thiết và phù hợp để Công ty nâng cao năng lực cũng như vị thế trong ngành, giúp Công ty mở rộng quy mô và đạt được các mục tiêu kinh doanh dài hạn mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó. Với tiềm năng sắp tới của Công ty và sự nỗ lực của ban điều hành, chúng tôi tin chắc rằng đợt phát hành sẽ có khả năng thành công cao.

X. PHỤ LỤC:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
3. Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ phát hành chứng khoán ra công chúng;
4. Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành;
5. Nghị quyết HĐQT thông qua phương án sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động của Công ty;
6. Điều lệ công ty;
7. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 và báo cáo tài chính quý III năm 2020.

Cà Mau, ngày 3 tháng 12 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN TUẤN QUỲNH

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

Trưởng Ban Kiểm soát

ĐỖ CAO SƠN

Kế toán trưởng

PHÙ CHÍ ANH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Phó Giám đốc phụ trách

NGUYỄN VĂN KHÁNH